

# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

**TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN**

Publiée par l'Association Vietnam Fraternité - 7 allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France

Adresse Web : <http://www.ethongluan.org> - Directeur de la publication : Nguyễn Văn Huy

ISSN 11456-9557 - Số 266 - Năm thứ 25 - Tháng 02-2012

Liên lạc : Hộp thư Thông Luận (Internet) : [info@ethongluan.org](mailto:info@ethongluan.org)

Mua báo : Nguyễn Văn Thạch, 7 Square Philippe Lebon, 77185 Lognes, France

Xã luận

## Chỗ đứng nào cho Đảng Cộng Sản Việt Nam trong lịch sử ?



Tháng 2 này, Đảng Cộng Sản Việt Nam kỷ niệm lần thứ 82 ngày thành lập. Đây là thời điểm tốt để nhìn lại một cách tổng quát thành tích của nó.

Trước hết là sự du nhập chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam do ông Hồ Chí Minh chủ động. Đó là một thảm kịch mà mọi người có chút lương thiện tối thiểu đều phải nhìn nhận. Trên khắp thế giới, và ngay trong khu vực của chúng ta, các nước không mắc vào chế độ cộng sản đều đã hơn hẳn các nước cộng sản trong những điều kiện lịch sử và địa lý tương tự. Sự so sánh đã quá rõ ràng trong trường hợp các quốc gia thử nghiệm cùng một lúc hai chế độ dân chủ và cộng sản như Nam Cao Ly và Bắc Cao Ly, Đông Đức và Tây Đức, Đài Loan và Trung Quốc, ngay cả Bắc và Nam Việt Nam trước năm 1975. Chủ nghĩa Mác-Lênin cũng đã làm thiệt mạng trên 100 triệu người vô tội. Nó đã bị Châu Âu, cái nôi của nó, lên án như một tội ác đối với loài người.

Cụ thể hơn đối với nước ta, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã gây ra hai cuộc chiến đẫm máu tàn phá đất nước, làm chết gần năm triệu người và để lại những đổ vỡ tình cảm và đạo đức mà phải nhiều thế hệ nữa mới có thể hàn gắn.

Một sự hiểu biết tối thiểu cũng đủ để cho thấy chủ nghĩa thực dân đã chết sau Thế Chiến II ; đấu tranh với người Pháp để giành độc lập toàn vẹn - trong thời gian ngắn nhất và trong những điều kiện tốt đẹp nhất - là việc phải làm và khó khăn nhưng chắc chắn không cần một cuộc chiến khốc liệt đến như thế.

Cuộc chiến tranh gọi là "chống Mỹ" lại càng vô lý vì Hoa Kỳ hoàn toàn không phải là một cường quốc thực dân, nó không có thuộc địa và cũng không muốn có thuộc địa. Hoa Kỳ đã trả độc lập cho Phi-líp-pin, từ chối sáp nhập Porto Rico, rút lui khỏi Nhật và Hàn Quốc. Cuộc chiến tranh chống Mỹ chỉ thuần túy do mù quáng say mê quyền lực và bạo lực. Và lại, sau khi đã khiến đất nước tổn hại cả núi xương sông máu để đánh Mỹ, người ta đã cố tìm mọi cách để kéo Mỹ trở lại.

Cũng chính sự mù quáng đó đã dẫn tới những tội ác to lớn khác đối với dân tộc : tàn sát những người yêu nước không theo chủ nghĩa cộng sản để giành độc quyền kháng chiến sau Cách Mạng Tháng 8 ; tàn sát hàng trăm nghìn người bị coi là địa chủ trong Cải Cách Ruộng Đất năm 1955 ; hạ nhục tập thể và bỏ tù

cả nước đối với miền Nam sau chiến thắng 1975 ; dồn hàng triệu người, sau khi bắt nộp tiền chuộc mạng, lên các chiếc tàu ọp ẹp làm môi cho hải tặc và sóng gió trong chính sách vượt biên bán chính thức. Phân biệt đối xử, cướp của, cướp nhà và đày hàng trăm nghìn người đi các vùng kinh tế mới. Và vô số hành động thô bạo khác. Tất cả đều là những tội ác đối với loài người theo đúng định nghĩa của công pháp quốc tế. Tất cả để giành và giữ độc quyền thống trị cho đảng cộng sản.

Với kết quả nào ? Chúng ta đang là một trong những nước nhiều bắt công nhất thế giới trong đó sự xa hoa thác đổ của một thiểu số được phơi bày ngay bên cạnh sự cùng khổ của tuyệt đại đa số ; sự cướp bóc nhà đất diễn ra hàng ngày đã tạo ra hàng triệu dân oan và còn đang tiếp tục tạo ra. Chúng ta cũng là một trong những nước nghèo và tụt hậu nhất thế giới với lợi tức bình quân trên mỗi đầu người chỉ bằng 1/10 trung bình thế giới.

Một người dân quê Việt Nam cũng đã biết là nếu không có đảng cộng sản thì đất nước ngày nay đã khá hơn nhiều. Chúng ta mất đất, mất đảo, mất biển, mất không khí sạch để thở và nước sạch để uống. Chúng ta mất cả một vũ khí sống còn của mọi dân tộc trong kỷ nguyên tri thức này : đó là quyền suy nghĩ và phát biểu độc lập. Đau đớn hơn và nguy hiểm hơn, chúng ta mất cả tinh thần dân tộc. Trong số gần 100 triệu người Việt Nam trong cũng như ngoài nước còn có bao nhiêu người quan tâm đến tương lai đất nước ? Sự thù ghét bất lực đối với một chính quyền tội tệ kéo dài quá lâu đã dần dần biến thành sự chán nản đối với chính đất nước. Đảng cộng sản đã khiến trí tuệ Việt Nam thui chột và trái tim Việt Nam khô cằn.

Thành tích của đảng cộng sản đã quá kinh khủng, chính vì thế mà dù đã thấy sự độc hại của chủ nghĩa Mác-Lênin và sự tuyệt vọng của chế độ toàn trị, ban lãnh đạo cộng sản vẫn ngoan cố từ chối dân chủ. Họ sợ thay đổi vì sợ phải đối diện với thành tích thực sự của chính mình. Họ cố quên rằng một thay đổi bất buộc phải đến nhưng bị trì hoãn quá lâu sẽ rất mãnh liệt khi cuối cùng vẫn đến.

Và dân tộc Việt Nam sẽ nhớ tới đảng cộng sản như một cơn ác mộng.

Thông Luận

Tham luận

## Nhìn lại chủ nghĩa Mác-Lênin

Nguyễn Gia Kiểng

Tháng 2 này, Đảng Cộng Sản Việt Nam (ĐCSVN) kỷ niệm 82 năm thành lập, đây là dịp để nhìn lại một cách tổng quát và dứt khoát chủ nghĩa Mác-Lênin, một chủ nghĩa mà trong suốt quá trình thành lập, đấu tranh và cầm quyền ĐCSVN đã lấy làm tư tưởng nền tảng và đã có hậu quả to lớn đối với nước ta. Đây là một việc làm cần thiết vì quần chúng Việt Nam vẫn còn thiếu một cái nhìn ngắn gọn về một chủ nghĩa đã và đang tác động lớn lên cuộc sống và tương lai của họ. Mặt khác, viết về chủ nghĩa Mác-Lênin trong một bài báo là điều có thể làm được trong lúc này bởi vì cuộc tranh luận về chủ nghĩa này đã chấm dứt và đã có kết luận; viết về nó không khác lật lại một trang sử. Một lý do khác là, trái với nhận định lạc quan của một số người, Việt Nam chưa thực sự bước vào giai đoạn hậu cộng sản, ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin, hay đúng hơn gánh nặng của nó trên đất nước ta, vẫn còn rất lớn.

### Marx và chủ nghĩa Marx

Karl Marx sinh năm 1818 tại Trier (Đức) trong một gia đình giáo sĩ Do Thái từ nhiều đời, nhưng thân phụ ông đã bỏ đạo Do Thái để theo đạo Tin Lành. Nguồn gốc và thời đại đã có ảnh hưởng lớn trên ông. Từ dòng dõi giáo sĩ Do Thái Marx thừa hưởng tâm lý tiên tri, quả quyết và giáo điều thể hiện rất rõ trong các tác phẩm của ông. Chủ trương xây dựng một thiên đường ngay trong cuộc đời này và trên mặt đất này, bằng bạo lực nếu cần, cũng không khác niềm tin của đạo Do Thái trong kinh Torah (Cựu Ước).

Marx cũng trưởng thành cùng với sự hình thành của nước Đức. Khi Marx sinh ra trên lãnh thổ nước Đức hiện nay có hơn hai trăm vương quốc tự trị, nhiều khi xung đột với nhau. Nước Đức đã thống nhất và trở thành cường quốc mạnh nhất Châu Âu trong vòng một nửa thế kỷ. Lúc đó Châu Âu vẫn còn bàng hoàng vì cuộc cách mạng Pháp 1789 và những cuộc chiến khốc liệt do Napoléon gây ra. Pháp, cường quốc số 1 Châu Âu trong thế kỷ trước, đã tan hoang và kiệt quệ sau Cách Mạng 1789 và những cuộc chiến của Napoléon để trở thành vùng đất của bạo loạn, với những cao điểm là Cách Mạng 1830, Cách Mạng 1848 và Công Xã Paris 1871. Song song với những đảo lộn chính trị ở ạt và đẫm máu đó, cuộc cách mạng kỹ nghệ, thành quả của những tiên bộ khoa học dồn dập từ thế kỷ trước, vẫn tiếp tục tràn tới làm thay đổi đột ngột cách suy nghĩ, nếp sống và tổ chức xã hội.

Chưa hết, thế kỷ 19 cũng là thế kỷ đầy bão táp về mặt tư tưởng, đặc biệt là tư tưởng chính trị. Các ý kiến không sâu sắc như trong thế kỷ 18 - được coi là *thế kỷ ánh sáng* với sự bùng phát của khoa học và triết học - nhưng các cuộc thảo luận sôi nổi hơn nhiều. Chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa kinh tế tự do, chủ nghĩa phúc lợi, chủ nghĩa xã hội, tư hữu, bóc lột, cách mạng v.v. là những đề tài tranh cãi gay gắt trong mọi cuộc gặp gỡ của trí thức. Càng gay gắt vì tuy khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau, trên những chọn lựa nhưng hầu như mọi trí thức lúc đó đều theo chủ nghĩa nhất nguyên, nghĩa là cho rằng chân lý chỉ có một, và dĩ nhiên ai cũng tin là mình có chân lý.

Tóm lại, thế kỷ 19, trong đó Marx sinh sống, là một thế kỷ cuồng loạn về mọi mặt. Một giai đoạn nguy hiểm. Quá nhiều đảo lộn cực mạnh xảy ra trong một thời gian quá ngắn. Và Marx ở ngay giữa cơn bão này bởi vì từ thế kỷ 18, Đức trở thành trung tâm của hai phong trào tư tưởng mạnh xuất phát từ Pháp: phong trào thuần lý và phong trào lãng mạn. Phong trào thuần lý chủ, yếu do ảnh hưởng của các phát minh khoa học, tin rằng chỉ có những gì thuần lý mới có giá trị. Phong trào lãng mạn chủ trương phải cởi bỏ tất cả mọi ràng buộc để

tim cảm giác cực mạnh. Hai phong trào này giống nhau ở chỗ chúng đều không dành cho các giá trị đạo đức một tầm quan trọng nào. Không khí cuồng loạn đó không thích hợp cho những suy nghĩ chín chắn và thận trọng. Không thể bỏ qua bối cảnh sôi động này nếu muốn hiểu Marx.

*Trái với một nhận định đã thời thượng trong một giai đoạn Marx không phải là một triết gia đúng nghĩa, dù là một nhà tuyên truyền và bút chiến thiên tài.* Marx học triết và được cả một trường đại học - mà ông không theo học - tặng bằng tiến sĩ triết khi mới ngoài hai mươi tuổi, nhưng không vì thế mà ông là một triết gia. Các triết gia không đồng ý về một định nghĩa chính xác của triết nhưng họ đều coi triết là một cố gắng tìm sự hiểu biết sâu xa và chính xác ở mức độ tối đa có thể đạt tới. Bertrand Russell ví triết như một vùng trái độn giữa khoa học và thần học; nó không thể trái ngược với khoa học để có sự chính xác, nhưng nó cũng phải dám phiêu lưu vào những gì mà khoa học không thể hoặc chưa thể giải thích. Chính vì sự phiêu lưu này mà một triết gia, một mặt, phải nắm vững những hiểu biết khoa học đã đạt được và, mặt khác, phải rất thận trọng trong lý luận.

Trong những bộ môn của triết, tri thức học là phần quan trọng nhất, nó có mục đích chất vấn những gì mà chúng ta biết hoặc tin để xem chúng ta có thể tin tới mức độ nào. Những xác quyết hồ đồ - như Marx luôn luôn làm - là điều tối kỵ đối với triết. Không phải ai học triết cũng là triết gia. Bằng cấp, kể cả bằng tiến sĩ, chỉ chứng nhận một căn bản để từ đó học hỏi thêm; điều quan trọng là những gì mình học được sau đó.

Trong trường hợp của Marx bản tính hiếu động cũng như bối cảnh xô bồ của thời đại không thúc đẩy ông học hỏi thêm. Và lại dù học triết nhưng Marx không thích triết. Ông viết trong cuốn *Luận Án về Feuerbach*, cuốn sách có thể coi là tác phẩm về triết duy nhất của ông: "*các triết lý chỉ có hiểu thế giới trong khi vẫn để là phải thay đổi nó*". Câu này chứng tỏ Marx không những không thích triết mà còn *phản triết*. Tại sao phải thay đổi thế giới? Thay đổi cái gì và để đạt tới kết quả nào? Và làm sao có thể thay đổi được một cái gì nếu không hiểu nó? Sau cuốn sách nhỏ này, viết năm 1845 nhưng chỉ phổ biến hạn chế, nhiều nhân chứng cho biết Marx đã bỏ hẳn môn triết để dành trọn thời giờ và cố gắng cho tuyên truyền và hành động; ông chỉ quan tâm trở lại tới triết rất lâu sau đó khi đọc lại Hegel để soạn thảo cuốn *Tư Bản Luận*.

Marx đã viết rất nhiều hầu như trên tất cả mọi chủ đề trừ khoa học thuần túy, nhưng không bao giờ tập trung vào chủ đề nào cả. Ông viết nhiều nhất trong thập niên 1840, khi chưa đầy 30 tuổi. Sau đó từ năm 1849, ông sang Anh và sống rất cơ cực. Ông đã phải viết hàng ngàn bài báo cho tờ báo Mỹ *New York Tribune* vì "lý do thực phẩm" theo chính lời ông. Dầu vậy Marx đã rất túng thiếu, ba trong sáu đứa con của ông đã chết vì thiếu ăn; Marx và phần còn lại của gia đình đã chỉ sống sót nhờ sự giúp đỡ của người bạn trung thành Engels.

Chỉ từ 1869 trở đi, khi Engels được thừa hưởng gia tài vì thân phụ qua đời và có thể trợ cấp đều đặn cho ông 350 đồng bảng Anh mỗi năm, Marx mới tạm thoải mái. Tình trạng đau thương này không cho phép Marx học hỏi thêm và cũng không cho phép ông suy nghĩ và viết một cách bình thường. Hơn thế Marx còn phải rất chật vật để khảo cứu về kinh tế, một bộ môn mà ông hoàn toàn không biết gì và cũng không có căn bản để học hỏi một cách nghiêm chỉnh, trong khi soạn thảo cuốn *Tư Bản Luận*, tác phẩm công phu nhất của ông mà theo

chính lời ông để viết ra ông đã phải "*hy sinh cuộc sống, hạnh phúc và gia đình*".

Ngoài ra do bản tính hiếu thắng Marx cũng mất rất nhiều thì giờ để viết những lá thư tranh cãi vô bổ với những người phê phán hoặc không đồng ý với ông. Một số những thư từ này về sau cũng được sưu tập lại và xuất bản. Cũng nên đặt câu hỏi tại sao Marx lại có thể cô đơn và khổ cực đến thế mặc dù đã rất nổi tiếng? Rất có thể là do bản tính kiêu căng ông không có bạn, nhưng cũng có thể là ít người thực sự quý mến ông.

Các tác phẩm của Marx thường là những cuốn sách ngắn, trừ ngoại lệ là cuốn *Tư Bản Luận*. Ông viết rất nhiều bài báo. Phần lớn, nếu không muốn nói là tất cả, những gì Marx viết và nhắc lại đều mang tính bút chiến và xác quyết nhưng rất ít lý luận. Có lẽ do nguồn gốc gia đình giáo sĩ Do Thái của Marx mà chúng đều có giọng điệu phán quyết và tiên tri. Những tác phẩm được liệt kê nhiều nhất là *Luận Án Về Feuerbach* (1845), *Tuyên Ngôn Cộng Sản* (1847), *Đấu Tranh Giai Cấp Tại Pháp* (1850), *Ngày 18 Brumaire* (1850), *Phê Bình Kinh Tế Chính Trị* (1859), *Nội Chiến tại Pháp* (1871), *Phê Bình Cương Lĩnh Gotha* (1875) và dĩ nhiên *Tư Bản Luận* (chỉ quyển I được in trong lúc Marx còn sống năm 1867). Ngoài ra Marx cũng tham gia vào hai tác phẩm của Engels, *Ý Thức Hệ Đức* (1846) và *Chống Dühring* (1878).

Như trên đã nói trừ cuốn *Tư Bản Luận* tất cả những tác phẩm của Marx đều là những cuốn sách ngắn rất ít giá trị lý luận và khảo cứu, có mục đích tranh luận và hô hào. Marx chủ yếu viết các bài báo. Những ý kiến của Marx được lặp lại nhiều lần một cách tàn mạt trong các tác phẩm chứ không được tập trung và đào sâu trong một cuốn sách nào. Tất cả những ý kiến của Marx có thể tìm thấy trong cuốn *Tư Bản Luận*.

Marx đã viết những gì?

Những tư tưởng chính của Marx có thể gom lại trong bốn chủ đề:

1. Một phần được coi là triết lý gồm lý luận biện chứng mà Marx lấy lại của Hegel nhưng ứng dụng vào chủ nghĩa duy vật thành *Duy Vật Biện Chứng* (dialectic materialism) và sau đó ứng dụng vào lịch sử thành *Duy Vật Sử Quan* (materialistic conception of history).

2. Một lý thuyết về kinh tế chính trị trong đó cốt lõi là lý thuyết giá trị và thặng dư giá trị được trình bày trong *Tư Bản Luận*.

3. Một lý thuyết về nhà nước và cách mạng được lặp lại nhiều lần đặc biệt là trong *Tuyên Ngôn Cộng Sản* và *Tư Bản Luận* nhưng không bao giờ được đào sâu.

4. Quan trọng hơn là quan điểm của Marx về đạo đức được phát biểu nhiều lần một cách rất quả quyết dù không biện luận.

Vào lúc này, khi mọi tranh luận nghiêm chỉnh về Marx đã chấm dứt ta có thể nói ngắn gọn hai điều. Một là những gì Marx đã nói đều không có giá trị lý luận bởi vì Marx chỉ xác quyết chứ không chứng minh gì cả. Hai là tất cả đã được các nhà lý luận nghiêm chỉnh, và sau đó thực tế, chứng minh là sai và độc hại. Tuy vậy cũng không phải là vô ích nếu ta nhìn lại một cách ngắn gọn một lần chót nền tảng tư tưởng của Marx và của phong trào cộng sản thế giới.

Một nghịch lý đầu tiên cần được đặc biệt chú ý là thứ tự thời gian của hai tác phẩm nổi tiếng nhất của Marx, *Tuyên Ngôn Cộng Sản* và *Tư Bản Luận*. *Tuyên Ngôn Cộng Sản* là tín điều của chủ nghĩa cộng sản; nó khẳng định chủ nghĩa tư bản nhất định sẽ tiêu vong nhưng không nói tại sao. *Tư Bản Luận* có mục đích chứng minh niềm tin này. Tuy vậy, *Tuyên Ngôn Cộng Sản* lại có trước *Tư Bản Luận* gần hai mươi năm. Như vậy là kết luận có trước lý luận. Đây là một cung cách mà không một người tinh táo nào có thể tự cho phép, chưa nói một nhà tư tưởng. Kết luận khi chưa lý luận chỉ có thể là kết luận theo cảm tính hoặc kết luận một cách gian trá và có mọi triển vọng là sai; lý luận

với mục đích biện hộ cho một kết luận đã có sẵn chỉ có thể là nguy hiểm. Chỉ riêng một điểm này thôi cũng đủ khiến chủ nghĩa Marx đáng bị bác bỏ.

Chính Marx đã là nạn nhân đầu tiên của nghịch lý này. *Tuyên Ngôn Cộng Sản* khẳng định chủ nghĩa tư bản sẽ bị đào thải như một *tất yếu* (nghĩa là một điều chắc chắn sẽ đến), và Marx cam kết sẽ chứng minh một cách khoa học. Mọi người chờ đợi và Marx đã phải vật vã trong hai mươi năm để viết *Tư Bản Luận* cố chứng minh một điều không thể chứng minh được vì không đúng. Khi cuốn *Tư Bản Luận* được phát hành sau một thời gian chờ đợi dài, nó đã là một thất vọng lớn. Nó quanh co, dài dòng, nhảm chán và không chứng minh được gì cả. Đọc nó là một cực hình, nó là cuốn sách của một người viết về một vấn đề mà mình không biết gì. Đã chỉ có quyển I được in ra bằng tiếng Đức khi Marx còn sống, năm 1867. Bản tiếng Anh phải đợi đến 19 năm sau, năm 1886, nghĩa là ba năm sau khi Marx qua đời. Các quyển II và III chỉ được in ra năm 1885 và 1894. Người ta có thể hình dung sự thất bại bi đát của cuốn sách. Trên thực tế, nó đánh một dấu chấm hết trên sự nghiệp của Marx như một lý thuyết gia.

Marx đã lấy lại lý luận về giá trị mà David Ricardo đưa ra hồi đầu thế kỷ 19, nhưng thêm vào đó những suy luận mông lung. Kinh tế đôi với Marx chỉ là sản xuất, và sản xuất chỉ là sản xuất hàng hóa; hình ảnh xí nghiệp của Marx chỉ là xí nghiệp của *một* chủ nhân quyết định hoàn toàn theo ý muốn. Marx không hề biết đến các công ty cổ phần, thị trường, tiền tệ, tín dụng, luật lao động, luật thương mại v.v. dù những khái niệm này đã khá phổ biến vào thời đại của ông. Ông lý luận một cách quanh co, pha trộn kinh tế với xã hội học, tâm lý học, lịch sử, triết học, rồi kết luận gượng gạo rằng sẽ có tích lũy và tập trung tư bản, giai cấp lao động sẽ bị bản cùng hóa và sẽ nổi dậy đánh đổ chế độ tư bản. Điều rất mỉa mai là cuốn sách đã ra đời sau khi thực tế đã rõ ràng là trái ngược với những gì Marx tiên đoán. Số lượng các xí nghiệp tăng lên nhiều thay vì nhỏ lại, giai cấp lao động sống thoải mái hơn nhiều thay vì bị bản cùng hóa.

Qui luật biện chứng của Hegel tự nó đã sai. Theo Hegel, mọi sự trong vũ trụ biến chuyển theo một qui luật được gọi là "biện chứng" qui định bởi một Lý Trí Tuyệt Đối huyền bí không khác các thượng đế của các tôn giáo, nhưng thuần lý.

Qui luật biện chứng như sau: bất cứ thực thể nào, dù là sự vật hay ý kiến, mà ta lấy làm điểm khởi hành của lý luận hay quan sát (và gọi là *tiền đề*) cũng có một sự phản bác (gọi là *phản đề*), sự mâu thuẫn giữa đôi bên cuối cùng dẫn tới kết quả là một tổng hợp thuần lý hơn thay thế cả tiền đề lẫn phản đề. Tổng hợp sau đó lại là khởi điểm cho một biện chứng khác, nghĩa là một tiền đề mới, và tiến trình biện chứng cứ thế mà tiếp tục, mỗi bước là một tiến bộ nghĩa là dẫn tới một tình trạng hợp lý hơn. Vì thế theo Hegel tất cả những gì hiện hữu đều hợp lý và ngược lại tất cả những gì hợp lý đều sẽ thể hiện.

Áp dụng vào lịch sử Hegel cho rằng lịch sử là sự xung đột giữa các quốc gia, mỗi quốc gia - tiền đề - đều có một quốc gia đối nghịch - phản đề -, mâu thuẫn giữa hai quốc gia dẫn tới kết quả là sự thống nhất thành một quốc gia mới. Quốc gia mới này, bao gồm những ưu điểm của cả hai. Đền lượt nó lại gặp mâu thuẫn v.v.

Hegel trình bày hệ thống tư tưởng của mình một cách phức tạp đến nỗi nhiều người không thể hiểu và không dám kết luận là nó sai. Nhưng nó có mọi lý do để sai. Trước hết Lý Trí Tuyệt Đối chỉ là một giả thuyết không khác thượng đế của các tôn giáo và cùng lắm chỉ có thể kiểm chứng chứ không thể chứng minh, nhưng thực tế lại không kiểm chứng những gì Hegel nói. Cho đến nay, tất cả các phát minh lớn làm thay đổi lịch sử nhân loại không diễn ra vì các nhà bác học đã lý luận theo biện chứng của Hegel, các cuộc xung đột giữa các quốc

gia trong tuyệt đại đa số cũng không dẫn tới sự thống nhất trong một quốc gia mới văn minh hơn và hợp lý hơn.

Lý thuyết biện chứng của Hegel cũng chỉ là một lý luận cổ điển coi trái đất là trung tâm và phần quan trọng nhất của vũ trụ, trong khi khoa học đã chứng minh ngay trong sinh thời của Hegel rằng nó chỉ là một phần vô cùng nhỏ trong một vũ trụ vô cùng lớn. Và lại, lý luận của Hegel đảng nào cũng không thể chấp nhận được vì Hegel không hề định nghĩa những tiêu chuẩn phải có để một cái gì đó được coi là phần đề hay tổng hợp, như vậy qui luật biện chứng có thể được vận dụng một cách rất tùy tiện.

Marx đã chấp nhận biện chứng của Hegel (và do đó đảm nhiệm mọi sai lầm của Hegel) vì nó được trình bày như một qui luật tất yếu, điều mà ông đang cần để chứng minh tính tất yếu của sự đảo thái của xã hội tư bản, nhường chỗ cho xã hội cộng sản. Tuy vậy Marx vận dụng biện chứng của Hegel một cách khác, thành Duy Vật Biện Chứng rồi Duy Vật Sử Quan. Duy Vật Biện chứng là biện chứng của Hegel nhưng có nguyên nhân không phải từ một Trí Tuệ Tuyệt Đối mà từ chính vật chất. Khái niệm duy vật (*materialism*) xuất hiện trong câu hỏi căn bản của môn triết học "cái gì có thực để làm khởi điểm cho sự chắc chắn của sự hiểu biết của chúng ta?". Đồng thời nó cũng hiện diện trong cuộc tranh cãi về siêu hình học xem hồn hay xác quan trọng hơn. Có hai cách trả lời khác nhau. Trường phái duy tâm (*idealism*) cho rằng chỉ có ý kiến là có thực trong khi trường phái duy vật cho rằng chỉ có vật chất là có thực. Người ta đã có thể chất vấn Hegel rằng Lý Trí Tuyệt Đối tại sao và do đâu mà có, nhưng người ta lại càng khó chấp nhận khẳng định không chứng minh của Marx, theo đó tất cả trong vũ trụ này đều do vật chất qui định. Marx có thể nghĩ là ý kiến của ông độc đáo nhưng về bản chất nó không khác niềm tin của những người thổ dân ở trung tâm nước Úc thờ tảng đá Uluru như một thần linh.

Marx còn liêu lĩnh hơn hẳn Hegel. Hegel chỉ dùng biện chứng để giải thích quá khứ (và biện minh cho sự thống nhất nước Đức) trong khi Marx còn dùng biện chứng để tiên liệu tương lai một cách chắc nịch. Về lịch sử, khác với Hegel nhưng cũng tùy tiện như Hegel, Marx coi động cơ của lịch sử là sự xung đột giữa các giai cấp, mặc dù Marx chưa bao giờ định nghĩa rõ ràng thế nào là một giai cấp. Theo Marx chính những xung đột giai cấp này đã khiến xã hội loài người tiến hóa qua các giai đoạn cộng sản nguyên thủy, nô lệ, phong kiến, tư bản, và sắp tới cộng sản.

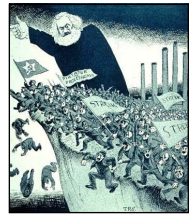
Marx còn thêm thắt những xác quyết khác - cũng không chứng minh như thường lệ -, như sự hiểu biết về một vật thể là một *hành động* có tác dụng làm thay đổi vật thể đó, để tự phân biệt với Hegel. Rõ ràng là Marx cũng không tha thiết gì với biện chứng của Hegel mà chỉ chấp nhận nó, vì hai đặc tính phù hợp với cuộc cách mạng vô sản mà ông hô hào : một là nó là một lý thuyết tiên định (*determinism*) và do đó có thể sử dụng để chứng minh sự tất thắng của cuộc cách mạng này ; hai là nó thuần lý và do đó cho phép biện luận một cách có vẻ khoa học và chính xác.

Trên thực tế, biện chứng của Marx còn cho phép lý luận một cách tùy tiện hơn cả biện chứng của Hegel vì nó không những giải thích quá khứ, một điều ta có thể ít nhiều quan sát, mà còn tiên liệu cả tương lai. Một thí dụ : bộ máy tuyên truyền của đảng cộng sản Liên Xô lý luận biện chứng như sau :

1. kinh tế phải được lãnh đạo tập trung để có hiệu quả (tiền đề) ;
2. nhưng khái niệm công nhân làm chủ xí nghiệp đòi hỏi tàn quyền (phản đề) ;
3. giải pháp là nhà nước Xô Viết (tổng hợp).

Cách lý luận "biện chứng" này cho phép những người không cần có một trình độ lý luận và kiến thức nào nói bất cứ gì sau một thời gian

huấn luyện ngắn về biện chứng. Nó đã là nguyên nhân của niềm tin nền tảng của các chế độ cộng sản rằng những người vô học cũng có thể lý luận và giữ những vai trò lãnh đạo.



Quan điểm về nhà nước và cách mạng của Marx có thể tóm tắt như sau : nhà nước và luật pháp chỉ là dụng cụ đàn áp của giai cấp cầm quyền. Trong giai đoạn hiện nay (nghĩa là giữa thế kỷ 19), giai cấp cầm quyền là giai cấp tư sản cho nên chính quyền và luật pháp chỉ là những dụng cụ của giai cấp tư sản để thống trị và bóc lột giai cấp lao động vô sản. Giai cấp vô sản chỉ có một chọn lựa là vùng dậy đánh đổ giai cấp tư sản bằng mọi phương tiện, kể cả và nhất là bằng bạo lực. Marx không giải thích tại sao phải dùng bạo lực để đạt một mục tiêu đảng nào cũng đến nếu sự thay thế xã hội tư bản bằng một xã hội cộng sản là điều tất yếu theo duy vật lịch sử.

Theo Marx, vì chỉ có vai trò dụng cụ đàn áp của giai cấp thống trị nên nhà nước không còn lý do tồn tại trong xã hội cộng sản không giai cấp sắp đến, và do đó sẽ tàn lụi đi. Tuy vậy, để tiến từ xã hội tư bản sang xã hội cộng sản sẽ cần một giai đoạn *chuyên chính vô sản* trong đó nhà nước vẫn còn được duy trì như là dụng cụ của giai cấp vô sản để tiêu diệt hẳn chế độ tư bản và xây dựng xã hội cộng sản. Đối với Marx, giai cấp vô sản chủ yếu là giai cấp công nhân ; cuộc cách mạng vô sản chủ yếu là cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân cho nên nó chỉ có thể thành công khi chủ nghĩa tư bản đã phát triển đầy đủ để tạo ra một giai cấp công nhân đông đảo.

Quan điểm coi nhà nước và luật pháp như là những dụng cụ đàn áp và bóc lột của giai cấp thống trị là một quan điểm đen tối và rất chủ quan của riêng Marx, bởi vì ngay trong thời đại của Marx và trước đó phần lớn các nhà tư tưởng nghĩ khác hẳn. Họ coi chính quyền là phương tiện để đảm bảo an ninh và công lý - nghĩa là chống bóc lột - và đem lại hạnh phúc cho người dân. Họ cũng quan niệm luật pháp là sự thể hiện trong xã hội những giá trị đạo đức và nhân bản.

Thực tế đã phủ nhận hoàn toàn lập trường của Marx. Cuộc cách mạng cộng sản đã không thành công trong các nước tư bản phát triển như Marx tiên liệu, trái lại chế độ tư bản càng phát triển thì nhu cầu làm cách mạng để lật đổ nó càng giảm. Các đảng cộng sản đã chỉ giành được chính quyền tại các nước nông nghiệp lạc hậu, như Nga và Trung Quốc ; các chế độ cộng sản được thành lập cũng không phải là một bước tiến về xã hội cộng sản mà đều biến chất và tàn lụi đi. Chỉ có một điều đúng với quan niệm về nhà nước của Marx là trong các chế độ đó, chính quyền và luật pháp đã quả nhiên là những dụng cụ đàn áp, nhưng đó là vì họ theo quan điểm của Marx chứ không phải vì một tất yếu lịch sử nào cả.

Điều độc hại nhất trong tư tưởng chính trị của Marx là sự phủ nhận hoàn toàn các giá trị đạo đức và tình cảm. Marx, và sau đó sau đó Lenin, chỉ coi những giá trị như sự lương thiện, sự thủy chung, tình bạn, tình yêu, sự đam mê, lòng bác ái, lòng biết ơn v.v. như là những sản phẩm của quan hệ sản xuất và có mục đích phục vụ giai cấp thống trị. Cũng nên nhận định rằng, những người cộng sản coi chủ nghĩa Mác-Lênin là khoa học bởi vì chủ nghĩa này không quan tâm tới đạo đức và tình cảm mà nó coi duy tâm và trừu tượng, do đó vô nghĩa. Đối với Marx, không làm gì có cái gọi là bản chất con người. Xét cho cùng, đây là một quan điểm rất bi quan. Cuộc đời còn giá trị gì khi con người cũng chỉ như đất đá ? Người ta có thể chấp nhận quan điểm này nếu muốn nhưng nó chẳng có gì là đặc sắc và cao siêu.

Khó có thể tìm thấy một tác phẩm nào ca tụng chủ nghĩa tư bản một cách nồng nhiệt như *Tuyên Ngôn Cộng Sản*. Theo Marx, chỉ trong

một thời gian ngắn chủ nghĩa tư bản đã đem lại những tiến bộ huyền diệu, đã tạo ra thế liên thuộc giữa các quốc gia, đem ánh sáng văn minh đến với những dân tộc mọi rợ, đã tạo các thành phố và giải phóng một phần đáng kể loài người khỏi "cuộc sống ngu xuẩn tại nông thôn" v.v. Tuy vậy, cũng ngay trong *Tuyên Ngôn Cộng Sản*, Marx chủ trương phải tiêu diệt chế độ tư bản và giai cấp tư sản bằng bạo lực. Giai cấp tư sản phải bị tiêu diệt bằng bạo lực không phải vì nó xấu hay ác, mà vì một tất yếu lịch sử. Cũng thế, giai cấp vô sản phải thắng không phải vì nó tốt, mà vì thắng lợi của nó là một tất yếu lịch sử. Nên nhớ là tuy Marx nói giai cấp tư sản bóc lột giai cấp vô sản nhưng ông không hề coi sự bóc lột này là một tội, trái lại ông coi nó là một lẽ tự nhiên, cũng tự nhiên như việc giai cấp vô sản phải tiêu diệt giai cấp tư sản. Marx không phân biệt thiện và ác, tốt và xấu. Đạo đức hoàn toàn vắng mặt trong tư tưởng của Marx.

### Chính Marx khai tử chủ nghĩa Marx

Một điều cần được lưu ý là chủ nghĩa Marx chưa bao giờ được một nhà tư tưởng lớn nào bênh vực. Đã chỉ có những người làm công tác tuyên vận trong các đảng cộng sản đề cao nó. Họ viết ra hàng triệu trang giấy nhưng không viết được gì đáng để ý bởi vì đó chỉ là những cô gắng để cố bào chữa cho cái không thể bào chữa. Những triết gia có tầm vóc hoặc không đề cập tới Marx hoặc chỉ đề cập tới để bác bỏ.

Chính Marx cũng không tin ở những gì mình hô hào. Năm 1872, sau khi Công Xã Paris (một cuộc nổi dậy vô trang của những người cộng sản Pháp mà Marx và Đệ Nhất Quốc Tế nhiệt tình cổ vũ) bị dẹp tan vì không lôi kéo được quần chúng. Marx tuyên bố tại Amsterdam nhân dịp đại hội Đệ Nhất Quốc Tế : "Ở những nước như Mỹ và Anh, người công nhân có thể tranh đấu để đạt mục tiêu bằng phương thức ôn hòa". Nhưng nếu cách mạng bạo lực không cần thiết ở Anh và Mỹ thì nó cũng không cần thiết ở bất cứ nước nào, vì Anh và Mỹ chính là hai quốc gia mà chủ nghĩa tư bản được thể hiện một cách triệt để nhất. Câu nói này tương đương với lời tuyên bố khai tử chủ nghĩa Marx, vì cốt lõi của nó là kêu gọi giai cấp công nhân vùng lên cướp chính quyền bằng bạo lực để thực hiện chuyên chính vô sản. Tại đại hội này, Marx vận động để dời trụ sở Đệ Nhất Quốc Tế sang Philadelphia, Mỹ.

Năm 1875, đến lượt Đảng Dân Chủ Xã Hội Đức, xương sống của phong trào cộng sản quốc tế vào lúc đó, họp đại hội tại Gotha, chính thức chọn lựa đường lối đấu tranh hợp pháp. Biền cố này tương đương với sự cáo chung của phong trào cộng sản mà Marx hô hào vì nó là một phong trào chủ trương cách mạng bạo động. Marx đã rất thất vọng, ông viết ra cuốn "*Phê Bình Cương Lĩnh Gotha*" đã kích đại hội này nhưng lại không phát hành. Vì không tìm được nhà xuất bản, hay vì Marx tự thấy mình không thuyết phục, vì tại sao công nhân có thể đấu tranh ôn hòa tại Mỹ và Anh như chính ông đã nói mà lại không thể đấu tranh ôn hòa tại Đức nơi chế độ tư bản còn ít triệt để hơn ?

Năm 1876, Đệ Nhất Quốc Tế tuyên bố tự giải tán. Marx tán thành quyết định này và từ đó không tham gia một hoạt động nào nữa cho đến khi chết năm 1883, thọ 65 tuổi. Lúc đó Marx đã hoàn toàn chìm vào quên lãng. Trước khi chết ông để lại một câu nói dí dỏm : "*Điều chắc chắn là tôi không phải là một người mác xít !*".

Chủ nghĩa Marx kể như đã chết tại Châu Âu. Và chết một cách buồn thảm. Như trên đã nói, cuốn *Tư Bản Luận*, tác phẩm công phu nhất của Marx, đã chỉ gây thất vọng. Không ai tán thành, hầu như không ai muốn đọc. Marx đã muốn để tựa cuốn sách này cho Charles Darwin, một nhà bác học đương thời với ông, cha đẻ của lý thuyết tiến hóa, nhưng Darwin từ chối. John Maynard Keynes, một trong những nhà kinh tế lớn nhất thế giới trong thế kỷ 20, đánh giá nó như sau : "*Tư Bản Luận* là một cuốn sách lỗi thời, không những sai về mặt khoa học

mà còn vô tích sự và vô dụng trong thế giới ngày nay". Đó là năm 1932, giữa lúc chủ nghĩa tư bản đang gặp khủng hoảng dữ dội.

Năm 1878, vào lúc mà uy tín và ảnh hưởng của ông hầu như không còn gì, Engels đã viết cuốn *Chống Durhing* với mục đích trình bày một cách mạch lạc toàn bộ tư tưởng của Marx và phục hồi ảnh hưởng cho Marx (Durhing là một giáo sư đại học Berlin phản bác Marx trên nhiều điểm). Cuốn sách được Marx tán thành và đóng góp. Nó được đăng từng kỳ trên tạp chí *Vorwärts* của Đảng Dân Chủ Xã Hội Đức. Sau một thời gian, đảng này quyết định ngừng đăng với lời giải thích : "*cuốn sách hoàn toàn không có lợi gì cho đa số đảng viên, trái lại còn gây một sự nhầm lẫn đến cực độ*".

### Chủ nghĩa Mác-Lênin

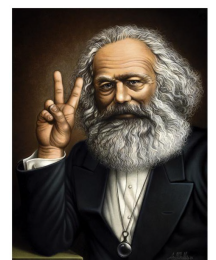
Nhờ Lenin mà chủ nghĩa Marx được phục hồi thành chủ nghĩa Mác-Lênin. Lenin là một chuyên viên khủng bố, lớn lên trong một truyền thống khủng bố quốc gia cũng như gia đình. Tư tưởng chính trị cách mạng của Nga kể từ thập niên 1860 coi ám sát và thủ tiêu là phương pháp bình thường để giải quyết các khác biệt. Anh ruột Lenin bị hành quyết về tội khủng bố. Lenin đã nhìn thấy ở chủ nghĩa Marx một vũ khí lý tưởng để không những chỉ phá hoại mà còn cướp được chính quyền, và ông đã thành công.

Do nguồn gốc khủng bố, Lenin tin rằng muốn giành chính quyền không thể dựa trên hậu thuẫn quần chúng mà phải dựa trên một đội ngũ cán bộ nhỏ nhưng chuyên nghiệp và quyết tâm sẵn sàng sử dụng bạo lực. Cuộc *Cách Mạng Tháng 10 Nga* năm 1917 đã được mọi sử gia đánh giá là một cuộc đảo chính cướp chính quyền của một nhóm nhỏ. Chủ nghĩa Mác-Lênin có thể định nghĩa là chủ nghĩa Marx vận dụng theo cách của Lenin, nghĩa là lấy lại toàn bộ chủ nghĩa Marx nhưng đẩy tới mức triệt để một số yếu tố : tôn sùng bạo lực, coi thường luật pháp, phủ nhận mọi giá trị đạo đức. Lenin viết rất nhiều nhưng chỉ viết để hô hào, tranh luận và mật sát. Đóng góp của ông không đáng kể về mặt lý luận nhưng quan trọng về những hậu quả.

Một câu mà Lenin nhắc lại nhiều lần, đặc biệt là trong hai cuốn *Nhà Nước và Cách mạng* và *Cách Mạng Vô Sản và Tên Phán Bộ Kautsky* có thể tóm tắt tư tưởng chính trị của Lenin : "*chính quyền cách mạng là chính quyền do giai cấp vô sản giành được và giữ lấy, chính quyền này không hề bị ràng buộc bởi bất cứ một luật pháp nào*".

Cuốn *Lenin Toàn Tập* (Moscow, 1955, trang 311) in lại một diễn văn của Lenin : "*Chính quyền Xô Viết đã hành động như mọi cuộc cách mạng vô sản phải hành động. Nó đã đập tan pháp lý tư sản. Chẳng nào chúng ta chưa khủng bố - nghĩa là một viên đạn vào đầu ngay tại chỗ - chúng ta sẽ chẳng đạt được kết quả nào cả*". Khi Steinberg, bộ trưởng tư pháp (lúc đó gọi là ủy viên nhân dân tư pháp) hỏi ông "Như thế thì cần gì bộ tư pháp nữa, cứ gọi thẳng là bộ tàn sát cho tiện !". Lenin trả lời : "Đúng lắm, tiếc là chúng ta không thể dùng danh xưng đó".

Trong diễn văn trước đại hội Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Nga năm 1920, Lenin giáo huấn thanh niên như sau : "*Có một đạo đức cộng sản không ? Dĩ nhiên là có ! Bọn tư sản thường buộc tội chúng ta là phủ nhận mọi giá trị đạo đức (...). Chúng ta phủ nhận đạo đức theo nghĩa nào ? Chúng ta phủ nhận mọi đạo đức không xuất phát từ con người và giai cấp. Đó chỉ là đạo đức bị bợm phục vụ quyền lợi của giai cấp tư sản. Chúng ta khẳng định đạo đức của chúng ta hoàn toàn nhằm phục vụ đấu tranh giai cấp. Đạo đức của chúng ta hoàn toàn đặt nền tảng trên cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản*". Một câu nói của Lenin được nhắc lại nhiều lần là "*đạo đức là những gì hợp với quyền lợi của cách mạng*".



Chẳng có gì để thảo luận về một quan niệm nhà nước, luật pháp và đạo đức như thế.

Theo đúng bài bản của Marx, Lenin coi nhà nước là cần thiết cho giai đoạn *chuyên chính vô sản*, một giai đoạn chuyển tiếp lên xã hội cộng sản, một khi xã hội cộng sản đã đạt tới thì vai trò của nhà nước sẽ mờ nhạt đi. Nhà nước trong giai đoạn chuyển tiếp đó do đảng cộng sản, đội tiên phong và người đại diện chân chính của giai cấp vô sản, lãnh đạo một cách hoàn toàn và tuyệt đối. Lenin gọi đó là chế độ dân chủ vô sản và tuyên bố nó ưu việt gấp triệu lần dân chủ tư sản.

Nhưng giai đoạn chuyển tiếp đó sẽ kéo dài bao lâu ? Đại hội 22, năm 1961, của Đảng Cộng Sản Liên Xô, sau 47 năm cầm quyền, dự tính rằng sẽ đạt tới xã hội cộng sản vào năm 1980. Nhưng rồi năm 1980 qua đi mà không có gì thay đổi cả. Từ đó vấn đề đặt ra không phải là giảm mà trái lại là tăng cường vai trò của nhà nước và tăng cường sự lãnh đạo của đảng cộng sản trên nhà nước. Cho đến khi Liên Bang Xô Viết sụp đổ năm 1991. Tại Trung Quốc, chỉ một thời gian ngắn sau khi đảng cộng sản giành được chính quyền, câu hỏi giai đoạn chuyển tiếp kéo dài bao lâu không đặt ra nữa. Khi Mao Trạch Đông chết, người ta chỉ thấy trong thư viện của ông những cuốn sách cổ của Trung Quốc và những cuốn sách giải trí chứ không hề có cuốn sách nào của Marx và Lenin. Tại Việt Nam, ông Hồ Chí Minh từng nói rằng ông không có tư tưởng nào cả mà chỉ theo tư tưởng của Marx, Lenin, Stalin và Mao. Tất cả các đảng cộng sản không hề có một đóng góp lý thuyết nào cả mà chỉ khẳng định một cách máy móc sự trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, trừ đảng cộng sản Ý với Gramsci, nhưng Gramsci phản bác chủ nghĩa Mác-Lênin nhiều hơn là tán thành. Lý do dễ hiểu : người ta không thể cải tiến một cái gì về bản chất đã sai. Một sự kiện chứng tỏ chủ nghĩa Mác-Lenin không thuyết phục : trong suốt lịch sử của phong trào cộng sản, chưa hề có một đảng cộng sản nào thắng một cuộc bầu cử lương thiện nào ; về điểm này chủ nghĩa Mác-Lênin còn thua cả các chủ nghĩa Phát Xít và Nazi.

Sự sai trái và độc hại của chủ nghĩa Mác-Lênin không khó nhìn thấy và nhiều nhà bình luận đã thấy ngay từ đầu và đã vạch ra một cách rất rõ ràng. Tuy vậy, cho đến thập niên 1970, nó vẫn lôi kéo được một số đông người, kể cả một số trí thức xuất sắc. Lý do là vì vấn đề mà nó nêu ra cũng là vấn đề mà lương tâm con người đặt ra từ rất lâu mà vẫn chưa có giải đáp, đó là bất công xã hội và chênh lệch giàu nghèo. Kể từ khi bắt đầu, văn minh thế giới luôn luôn phải sống trong một mâu thuẫn nhức nhối giữa những tư tưởng quảng đại coi mọi người là anh em và một tổ chức xã hội phân biệt chủ và tớ. Và thời nào cũng có những người ao ước xóa bỏ mâu thuẫn nhức nhối đó. Trong nhiều trường hợp, chính lòng quảng đại đã khiến người ta tiếp tay cho tội ác. Chủ nghĩa Marx là một giải pháp sai và độc hại nhưng vấn đề nó đặt ra có thực. Chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ là sự vận dụng tư tưởng của Marx cho mục tiêu cướp và giữ chính quyền bằng bạo lực và khủng bố.

### Một tai họa cho nhân loại

Theo một khảo cứu công phu và nghiêm túc của một nhóm học giả Pháp, chủ nghĩa Mác-Lênin đã làm thiệt mạng ít nhất 100 triệu người trên thế giới, ngay cả nêu chỉ kể những nạn nhân do các chế độ cộng sản trực tiếp và có ý sát hại.

Ngày 26-01-2006, Hội Đồng Châu Âu đã ra nghị quyết 1481 coi các chế độ cộng sản là tội ác đối với nhân loại. Các nước mắc vào chế độ cộng sản đều nghèo khổ và lạc hậu hơn hẳn những nước không cộng sản với những điều kiện địa lý và lịch sử tương tự. Sự so sánh đã rất rõ rệt trong trường hợp các nước bị phân chia với một phần dưới chế độ cộng sản và một phần dưới một chế độ không cộng

sản, như Đông và Tây Đức, Bắc và Nam Cao Ly, Trung Hoa Lục Địa và Đài Loan, Bắc và Nam Việt Nam trước 1975.

Do sự phủ nhận các giá trị tình cảm và đạo đức, chủ nghĩa Mác-Lênin làm hoại loạn con người và khuyến khích lối sống gian trá, ác độc, ích kỷ và vô trách nhiệm. Tất cả các chế độ cộng sản đều là những chế độ cực kỳ tham nhũng bởi vì trong thâm tín của nó, chủ nghĩa Mác-Lênin coi chức năng của nhà nước là thống trị và bóc lột. Đó cũng đều là những tham kịch cho môi trường, quan hệ xã hội và văn học nghệ thuật. Đã chỉ có rất ít những tác phẩm có giá trị dưới các chế độ cộng sản và chúng đều là sáng tác của những người phản kháng.

Khi đảng cộng sản Nga cướp được chính quyền tại Nga năm 1917, chủ nghĩa Marx đã chết từ lâu tại Âu Châu. Ta có thể coi ngày chết chính thức của nó là đại hội Gotha 1875. Với bản chất khủng bố, khi sang Châu Âu, Lenin đã rất phấn khởi khi tìm được một chủ nghĩa có dáng dấp của một triết lý mà lại hoàn toàn phủ nhận mọi ràng buộc pháp lý và đạo đức. Do trình độ văn hóa sơ sài, ông không được gần gũi với những trí thức lớn để biết rằng chủ nghĩa Marx đã bị bác bỏ. Nếu Lenin có văn hóa hơn, rất có thể chủ nghĩa Marx đã không được phục hồi thành chủ nghĩa Mác-Lênin và lịch sử nước Nga và thế giới đã khác.

### Thảm kịch Việt Nam

Thảm kịch đối với Việt Nam còn lớn hơn vì chủ nghĩa Mác-Lênin đã toàn thắng năm 1975, nghĩa là đúng 100 năm sau khi nó đã bị đào thải tại Châu Âu, và cũng rất lâu sau khi nó đã gây ra những tội ác ghê gớm tại Liên Xô và Trung Quốc. Chúng ta chậm trễ một cách bi đát về tư tưởng chính trị. Sự chậm trễ này cho tới nay vẫn chưa được ý thức đầy đủ.

Nhiều người lạc quan cho rằng chủ nghĩa cộng sản không còn tại Việt Nam và hiện nay chúng ta đã ở trong giai đoạn hậu cộng sản. Nhận định này sai. Đã có thay đổi về mặt kinh tế, nhưng kinh tế chính là mặt mà lý thuyết Marx chưa bao giờ được áp dụng. Và lại, thay đổi cũng không quan trọng như nhiều người nghĩ. Đảng và nhà nước cộng sản vẫn kiểm soát 2/3 hoạt động kinh tế. Trên các mặt khác, có tầm quan trọng lớn hơn hẳn, như quyền lãnh đạo tuyệt đối của đảng cộng sản trên nhà nước, quan điểm cho rằng nhà nước và luật pháp chỉ là dụng cụ thống trị và bóc lột, sự phủ nhận hoàn toàn các giá trị đạo đức, và lý luận "biện chứng" tùy tiện cho phép rút ra bất cứ kết luận nào từ bất cứ sự kiện nào v.v. chế độ vẫn chưa hề thay đổi. Sự nở rộ, nếu có, chỉ là vì chính quyền không đủ khả năng kiểm soát chứ không phải vì không muốn kiểm soát. Và vì trong tình trạng không thể kiểm soát tất cả, nó nhắm trước hết những người phản kháng nên nó thả lỏng, nhiều khi sử dụng, các tệ nạn xã hội và các băng đảng xã hội đen.

Lịch sử có lẽ sẽ không khe khắt với ông Hồ Chí Minh, người đã du nhập chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam. Ông đã làm như rất nhiều người Việt Nam vào lúc đó. Nhưng lịch sử chắc chắn sẽ khe khắt hơn nhiều với những người sau ông đã thấy nó sai nhưng vì tham vọng quyền lực vẫn áp đặt lên dân tộc.

Và lịch sử sẽ còn gay gắt hơn đôi với những trí thức ở thế kỷ 21 vẫn không dám phản kháng trước một chính quyền trắng trợn tuyên bố tiếp tục theo đuổi chủ nghĩa Mác-Lênin và còn áp đặt nó như là môn triết duy nhất được giảng dạy trong các trường học. Rất gay gắt. Bởi vì ngoài vấn đề trách nhiệm, các thế hệ mai sau sẽ còn bị dẫn vật với những câu hỏi nhức nhối về căn cước. Như họ từ đâu đến, và cha anh họ là hạng người gì.

**Nguyễn Gia Kiểng**  
(12/02/2012)

Tham luận

## Luật ruộng đất Việt Nam tròn 20 tuổi

Lê Mạnh Hùng

Khi đảng Cộng Sản Việt Nam bắt đầu chính sách "đổi mới", điều khiển cho chính sách này thành công nhất là việc đưa ra một bộ luật ruộng đất cho phép người nông dân làm chủ công sức của mình.

Trừ một vài trường hợp ngoại lệ, hầu như tất cả các hợp tác xã và nông trường tập thể đều bị giải thể và mỗi gia đình nông dân được trao một khoảng đất để canh tác trong thời hạn 20 năm. Được tự do gieo trồng và bán những gì mình muốn, nông dân Việt Nam đã tạo ra một bước tiến nhảy vọt trong lãnh vực nông nghiệp. Trong 15 năm kể từ 1993, sản lượng nông nghiệp của Việt Nam đã tăng hơn gấp đôi. Đến năm 2008, Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu hàng đầu về gạo, cà phê, hạt điều, hạt tiêu cũng như trong việc nuôi trồng thủy sản, tôm và cá mực dầu một số lượng nông dân càng ngày càng đông bỏ vùng quê lên tỉnh.

Nhưng đến năm tới, thời hạn 20 năm đầu tiên đã kết thúc. Và người ta đang chờ đợi những gì sẽ xảy ra. Chính quyền hiện chưa cho biết sẽ toan tính gì, nhưng mọi người đều cho rằng cần phải sửa lại bộ luật ruộng đất lần nữa. Vấn đề là sửa như thế nào. Hiểu một cách tường tận, các điều khoản của bộ luật 1993 cho phép các cơ quan nhà nước có quyền lấy lại đất đai sau thời hạn cho thuê quyền sử dụng đất mà không phải bồi thường, cho dù giới nông dân đã làm đủ mọi cách để làm tăng giá trị của khoảng đất của mình. Thành ra, theo các luật gia, niềm tin của giới nông dân cho rằng họ có quyền tiếp tục khai thác khoảng đất mà họ được quyền sử dụng lúc ban đầu là không có cơ sở luật pháp.

Những công trình phân tích của giới luật gia đã xác minh cảm tưởng chung của dân chúng rằng, tình trạng mơ hồ của luật ruộng đất hiện thời, các thủ tục hành chính rườm rà và số tiền khổng lồ mà các viên chức vơ vét được, hoặc những tay trong thu được khi ruộng đất bị trưng dụng và chuyển sang các hoạt động khác là những động lực chính của tình trạng tham nhũng. Và những cố gắng của nhà nước nhằm củng cố những thủ tục chỉ làm tăng thêm cơ hội để các quan chức nhà nước làm tiền mà thôi. Giống như Trung Quốc, chín mươi phần trăm các vụ tranh chấp giữa dân chúng với chính quyền liên quan đến ruộng đất.

Nhưng ngay cả nêu tiến trình này không bị hoen ô trầm trọng bởi tham nhũng thì dịch vụ biến đất nông nghiệp thành khu công nghiệp, nhà ở sân golf, v.v... càng ngày càng gia tăng khiến người phải quan ngại. Bộ nông nghiệp Hà Nội cho biết trong giai đoạn 2001-2006 đã có khoảng 376.000 ha đất ruộng trồng lúa bị cưỡng chiếm, trên một triệu nông dân bị đẩy ra khỏi khu vực đất đai mà họ canh tác. Những tu chính về luật ruộng đất năm 2003 càng tạo dễ dàng cho công tác "giải phóng" những diện tích lớn, tình trạng cướp đất trở nên nhanh hơn. Trong số 31.000 vụ khiếu kiện liên quan đến ruộng đất của năm 2007, hơn 70% vì lý do bồi thường không xứng đáng.

Không có dấu hiệu gì cho thấy bộ chính trị đảng cộng sản Việt Nam muốn thay đổi hiến pháp Việt Nam, theo đó một trong những điều khoản đầu tiên viết rằng "toàn bộ đất đai là của chung của dân tộc và do nhà nước quản lý". Phản ứng nổ súng chống

trả lại lực lượng công an đến đàn áp tại Tiên Lãng hôm 20 tháng giêng vừa qua cho thấy vấn đề đất đai không dễ dàng giải quyết.

Phân tích vụ việc xảy ra tại Tiên Lãng, tạp chí *Sài Gòn Tiếp Thị* xuất bản thành phố Hồ chí Minh, đã nhận định như sau : "Trong gần 20 năm, kể từ khi sửa đổi luật Ruộng Đất của chúng ta vào năm 1993, người nông dân đã tin tưởng vào chính sách đổi mới vì họ vững tin rằng khi thời gian này kết thúc, họ sẽ tiếp tục được quyền canh tác trên khoảng đất đó nếu họ muốn và nhà nước sẽ bảo vệ quyền sở hữu của họ đối với những cải thiện mà họ làm cho khoảng đất này. Đó là cơ sở chính trị của sự tin tưởng của họ đối với đảng cộng sản và sự ủng hộ của họ".

Nhưng vụ Tiên Lãng và trước đó vụ nông trường Sông Hậu đã khiến cho người ta thấy rằng chỉ có một hành động dứt khoát của đảng và chính quyền mới có thể lấy lại được niềm tin của dân chúng. Giới nông dân ngày nay đòi phải cho họ quyền sử dụng dứt khoát đối với mảnh đất mà họ canh tác. Chỉ có quyền tư hữu thật sự đối với đất đai mới làm lắng dịu những lo sợ của nông dân. Nói một cách khác, đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam sẽ phải chịu áp lực ngày càng mạnh hơn để quyền tư hữu của nông dân được nhìn nhận như tại các nước tư bản.

Theo John Gillespie, một chuyên gia người Úc vừa làm một cuộc nghiên cứu về các tranh chấp ruộng đất tại Việt Nam, thì các tòa án cũng đang bắt đầu đi theo một đường hướng gần như vậy đối với các cuộc tranh chấp về ruộng đất. Các quan tòa thường khuyến cáo các người khiếu kiện chấp nhận một cuộc họp hòa giải và những nhà hòa giải thường thường đề nghị một giải pháp dựa trên "thực tế và tình cảm cộng đồng" hơn là theo đúng những điều khoản của luật pháp. Theo Gillespie, họ làm vậy là vì "hòa giải tốt hơn là đối đầu trong việc giải quyết những cuộc tranh chấp đất đai".

Đó cũng là trường hợp ông Đặng Văn Vươn khi ông cùng gia đình khiếu kiện lên tòa án nhân dân về việc bị chiếm hữu ruộng đất do gia đình ông canh tác. Nhưng khi ông Vươn vừa đệ đơn kiện lại thì chính quyền đã trở mặt và ra lệnh tịch thu khu đất đầm của ông. Vụ Tiên Lãng này đã tạo ra hàng trăm bài viết trên các báo chí trong nước cũng như trên các blog Việt. Cho đến nay, vì nguyên do nào khiến cho hai cán bộ huyện ủy Tiên Lãng và xã ủy (hai anh em ruột) nơi ông Vươn sống nhất quyết dùng võ lực trục xuất ông này thì không ai biết rõ.

Theo các quan chức địa phương nói với thanh tra của Mặt Trận Tổ Quốc được gửi xuống điều tra thì họ muốn tiết kiệm ngân sách cho nhà nước nếu những tin đồn về việc xây dựng một phi trường mới tại đây trở thành hiện thực, trong khi dân làng thì cho rằng hai anh em huyện ủy và xã ủy này tịch thu đất đai của gia đình ông Đặng Văn Vươn để bán lại cho người khác với giá cao vì họ đã lỡ nhận tiền cọc rồi.

Thực tế ngày nay tại Việt Nam, sau 20 năm thực hiện luật đất đai, không một cán bộ cộng sản nào còn tin vào luật pháp, tất cả chỉ hành động theo sự hướng dẫn của đồng tiền, bất chấp tình đồng loại, luật pháp và đạo lý.

Lê Mạnh Hùng (Hà Nội)

Nói chuyện với François Sabouret (\*)

## "Trí thức chỉ có con đường dẫn thân !"

Đài BBC thực hiện

Một học giả của Pháp, chuyên nghiên cứu về các vấn đề châu Á, cho Đài BBC hay Đảng Cộng sản Việt Nam buộc phải tự thay đổi nếu muốn tránh các cuộc đấu tranh của quần chúng.

Trong cuộc trao đổi với Đài BBC hôm 24-1-2012, tiến sĩ Jean-François Sabouret cho rằng đảng cộng sản cần có một lộ trình rõ ràng, hàng năm, để chủ động chuyển đổi theo hướng trả lại quyền lực cho nhân dân.

Người đứng đầu Viện Nghiên cứu Thế Giới Châu Á, Institut des Mondes Asiatiques tại Paris, cũng cho rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam đang đứng trước một sự lựa chọn nghiêm trọng, hoặc là tiếp tục đóng cửa, không lắng nghe trí thức và các tầng lớp tiên bộ trong xã hội, hoặc cải cách toàn bộ để tránh sự đổ vỡ phức tạp, khó tránh khỏi.

Học giả người Pháp này cũng lưu ý tới việc không riêng gì đảng cộng sản, mà theo quy luật chung, bất cứ ai "nắm quyền lực" quá lâu sẽ không tự giác "tự động" trao trả quyền lực cho nhân dân trước sau gì cũng sẽ sụp đổ. Đây là một thử thách quan trọng đối với các lãnh đạo đảng và nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

Bình luận về vai trò của trí thức trong quá trình biến đổi xã hội này, ông Sabouret cho rằng người trí thức không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc dẫn thân và tiếp tục đứng cầm lên tiếng vì lợi ích chung của xã hội, cộng đồng và nhân loại, cho dù họ đang ở Pháp hay ở Việt Nam, hay ở bất cứ đâu.

Nói về tương lai của Đảng Cộng Sản Việt Nam, ông Sabouret đánh giá :

"Một cách chính thức mà nói, đảng không thể nắm quyền mãi mãi được. Có nghĩa là những người nắm quyền trên cả nước từ năm 1975, ngày nay là con cháu của họ, bạn bè và đồng minh của họ đang muốn tiếp tục duy trì quyền lãnh đạo trong một số thời gian nữa.

Như chúng ta đều biết, những người nắm chính quyền ở Liên Xô năm 1917 chỉ có thể giữ được quyền lực trong vòng 70 năm. Còn những người nắm quyền lực ở Việt Nam từ năm 1975 tới nay, có thể còn độ 20-30 năm nữa, tùy vào những diễn biến cụ thể.

Nhưng cũng có thể ngắn hơn bởi vì những người lãnh đạo không thể làm gì thay đổi được trước xu thế của những thế hệ trẻ, những khát vọng dân chủ, khát vọng tự do, khát vọng về tự do phát ngôn, tự do tư tưởng, tư duy".

### "Không thể đi ngược"

Chuyên gia về châu Á này cho rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ không thể "kháng cự lại những khát vọng dân chủ này". Ông ví những nhân tố này nằm trong "tư duy" của con người nhưng động lực xã hội khó có thể cưỡng lại được :

"Người ta không thể cưỡng lại chúng, bởi vì chúng là những cơn sóng thần (tsunami) từ biển sâu đang ập tới. Tư duy con người là như thế. Một cách giản dị hơn, không ai ngăn chặn được ước muốn tự do dân chủ của con người".

Học giả người Pháp này có nhắc tới trường hợp của Miền Điện và Bắc Triều Tiên.

Ông cho rằng, những biến đổi đã xảy ra ở Miền Điện theo chiều hướng mới : cải tổ xã hội theo hướng dân chủ, cởi mở, thậm chí sẽ một ngày nào đó xảy ra ở Bắc Triều Tiên. Những biến cố trên thế giới ngày nay rất khó lường trước.

"Đảng Cộng Sản Việt Nam đã mở cửa ít nhiều. Họ đã lựa chọn việc mở cửa từng bước có kiểm soát. Tôi không nói về chi tiết. Nhưng nay họ không thể đi ngược trở lại. Họ buộc phải mở rộng hơn. Nếu cứ giữ nguyên cánh cửa đóng như thế này, tình thế sẽ trở nên nguy hiểm hơn đôi với họ".

Bình luận về những gì mà người trí thức Việt Nam cần phải làm vì tương lai của đất nước và lợi ích của cộng đồng, sau khi điểm lại những nỗ lực trong lịch sử tranh đấu của trí thức Pháp và giới trí thức nói chung trên thế giới, ông nói :

"Những người trí thức Việt Nam buộc phải tranh đấu thôi. Họ phải đoàn kết lại. Họ phải xuất bản những tạp chí, những trang web trong đó họ phải phản biện, phải có đầu óc phê phán. Đương nhiên điều đó không đơn giản. Nhưng chính quyền nào cũng chỉ có thể bắt bớ một hay một vài người thôi, chứ không làm sao có thể bắt bớ cả một dân tộc được. Điều đó không thể xảy ra !".

### "Tới lúc phải can đảm"

Theo học giả này, đã đến lúc Việt Nam cần có những tiếng nói "can đảm" vì lợi ích chung là lựa chọn của cả quốc gia, dân tộc. Ông nói :

"Cần phải có những người đứng lên và nói rằng đây là viễn kiến, tầm nhìn mà chúng tôi thấy phải có về Việt Nam. Chẳng hạn như sinh hoạt chính trị của một đất nước phải mở ra cho nhiều đảng phái, phải xây dựng một nền dân chủ thực sự, quyền đối lập phải được công nhận. Đó là những điều quan trọng đáng làm và những người trí thức Việt Nam phải lên tiếng. Không những khi họ ở ngoài nước vì điều đó dễ dàng. Mà ngay ở trong nước, họ phải đoàn kết lại, xuất bản, thảo luận những tạp chí, sách vở, mở ra những hội thảo".

Điểm qua một số bài học lịch sử gần đây, kể cả trường hợp các nước đang diễn ra phong trào Mùa Xuân Ả Rập, ông Sabouret tin rằng lúc đầu chính quyền sẽ "không hài lòng" nhưng sau đó sẽ có sự thay đổi nhận thức :

"Chính quyền sẽ hiểu ra rằng tự do là điều tất cả mọi người đều quan tâm, đó là một quy luật. Ước muốn tự do là một điều hữu ích vì bất cứ người nào cũng có thể thể hiện một cách này hay cách khác".

"Nếu những người cộng sản Liên Xô cũ đã hiểu quy luật về tự do và đã tiến hành Cải tổ (Perestroika) và Minh bạch (Glasnost) sớm hơn, thì có lẽ tới nay họ vẫn còn được nắm quyền lực".

(\*) Tiến sĩ Jean-François Sabouret là giám đốc Viện Nghiên cứu Thế Giới Châu Á (Institut des Mondes Asiatiques) tại Paris và Mạng lưới Nghiên cứu Châu Á (Réseau Asie), thuộc Trung tâm Quốc gia Nghiên cứu Khoa học (Centre National de la Recherche Scientifique) của Pháp. Ông từng sang Việt Nam làm việc về nghiên cứu.

Thời sự châu Á

## Sách lược mở đường xuống phía Nam của Trung Quốc

Nguyễn Văn Huy

Cuối tháng 9-2011, chính quyền Miến Điện (Myanmar) tuyên bố đình chỉ công trình xây dựng đập Myitsone trên thượng nguồn sông Irrawaddy. Đây là một bất ngờ lớn đối với Bắc Kinh, vì tất cả mọi chi phí đầu tư và xây dựng đập đều do Trung Quốc đài thọ. Trước sự trở mặt này, Bắc Kinh lớn tiếng phản đối và yêu cầu tân chính quyền Miến Điện tôn trọng những hiệp ước đã ký trước đó. Chắc chắn hai bên sẽ tìm ra một giải pháp, nhưng quan hệ giữa hai nước sẽ không còn như trước.

### Lý do đình chỉ xây dựng đập Myitsone

Myitsone là một trong 7 đập nước trong tiểu bang Kachin miền cực bắc Miến Điện được tổ hợp China Power Investment Corporation (CPIC), một trong những công ty quốc doanh lớn nhất Trung Quốc, qui hoạch xây dựng từ năm 2007. Công trình xây dựng những đập nước này nằm trong chương trình hợp tác giữa hai chính quyền Trung Quốc và Miến Điện ký từ năm 2005, theo đó Trung Quốc đảm nhiệm mọi chi phí đầu tư, qui hoạch và xây dựng, Miến Điện phụ trách bảo vệ giữ gìn trật tự an ninh. Tại Kachin, đại diện chính quyền Trung Quốc là công ty Yunnan Power Grid, một chi nhánh của công ty China Southern Power Grid thuộc tổ hợp CPIC.

Theo dự trù, sau khi hoàn tất, 7 đập nước này sẽ cung cấp một tổng năng suất khoảng 13.300 MW, tức 61.500 GWh/năm, trong đó 90% xuất khẩu sang tỉnh Vân Nam và 10% còn lại cho nhu cầu địa phương. Riêng đập thủy điện Myitsone, trị giá 3,6 tỷ USD, được coi là một trong 5 đập thủy điện lớn nhất thế giới, với một hồ chứa nước rộng gần 800 km<sup>2</sup>. Được xây dựng năm 2009, trên chi nhánh hai sông Nmai và Mali tạo thành sông Irrawaddy và dự trù hoàn tất vào năm 2017, đập Myitsone có năng suất lớn nhất trong số 7 đập : 3.600 MW, khoảng 16.634 GWh/năm.

Lý do đình chỉ xây dựng đập Myitsone xuất phát từ áp lực của xã hội dân sự. Tổng thống Thein Sein cho biết chính quyền của ông do dân bầu ra do đó phải tuân hành ước muốn của dân. Ước muốn của dân ở đây là ngừng xây dựng các đập nước trên thượng nguồn sông Irrawaddy, vì nó không những hủy hoại môi sinh và môi trường mà còn gây xáo trộn đời sống của người Kachin, và không chừng sẽ xảy ra nội chiến.

Từ nhiều tháng qua, các tổ chức bảo vệ môi sinh và nhân quyền, các tổ chức tôn giáo và người Miến Điện đã liên tiếp xuống đường tại Kachin và Rangoon, yêu cầu ngưng xây dựng đập thủy điện Myitsone này. Một cách cụ thể, theo qui hoạch xây dựng đập Myitsone, 47 làng cùng hàng trăm cây số đường sá, hàng ngàn nhà cửa và ruộng vườn của người Kachin nằm trong thung lũng giữa hai nhánh sông Nmai và Mali sẽ bị chìm trong biển nước, hơn 10.000 người Kachin phải di dời sang nơi khác. Đó là chưa kể những tai hại gián tiếp trong quan hệ sinh sống giữa người Kachin và các sắc tộc khác trong khu vực khi môi sinh và môi trường của họ bị hủy hoại, cụ thể là nghề trồng cây anh túc để chế biến thành thuốc phiện.

Miến Điện là một quốc gia liên bang gồm 14 tiểu bang, trong đó 7 tiểu bang của người thiểu số (Arakan, Shan, Chin, Kachin,

Karen, Kayah, Mon) và 7 bang của người Miến (Burman) ; mỗi tiểu bang có một pháp qui riêng biệt mà chính quyền trung ương phải tôn trọng.

Trong dự án xây dựng đập Myitsone, chính quyền Kachin đã nhiều lần yêu cầu chính quyền trung ương tạm ngưng công trình xây dựng để nghiên cứu tính khả thi của dự án. Theo những chuyên viên nghiên cứu địa chấn, đập Myitsone nằm trên vùng va chạm của hai mảng địa cầu Âu Á và Ấn Độ, do đó có thể bị vỡ bất cứ lúc nào khi có động đất (trận động đất gần đây nhất xảy ra vào ngày 20-8-2008, với mức độ 5,8 Richter). Nếu đập Myitsone bị vỡ, tai họa sẽ rất khủng khiếp : hơn 150.000 người sinh sống trong thành phố Myitkyina, thủ phủ của tiểu bang Kachin cách đập 40 km dưới thung lũng, sẽ bị tiêu diệt ; đó là chưa kể mùa màng và những thiệt hại vật chất và văn hóa khác bị dòng nước cuốn trôi.

Thêm vào đó, sự hiện diện đông đảo của binh lính Miến Điện gốc Burman đến từ Rangoon để bảo vệ an ninh các công trường là một đe dọa đối với người Kachin. Cũng nên biết, theo nội dung thỏa ước đình chiến ký từ năm 1989 giữa Rangoon và các sắc tộc địa phương, chính quyền trung ương sẽ không đưa quân vào lãnh thổ các tiểu bang của người sắc tộc, vì đó là một hành vi gây hấn. Chính vì thế, từ tháng 9-2011 đến nay đã xảy ra nhiều cuộc chạm súng giữa quân đội trung ương và các lực lượng vũ trang Kachin quanh các công trường xây dựng, trong đó có rất nhiều công Trung Quốc bị sát hại.

Như đổ thêm dầu vào lửa, hàng chục ngàn công nhân Trung Quốc được đưa vào xây dựng các công trình xây dựng 7 đập nước chiếm đóng những địa điểm sinh sống kinh tế tốt nhất của người địa phương và khai thác lén lút những tài nguyên quý hiếm (vàng và đá quý), và nhất là đang xâm phạm vào quyền lợi cốt lõi của người Kachin địa phương là nghề trồng và áp tải thuốc phiện. Đó là chưa kể hàng trăm ngàn hecta đất rừng và đất canh tác đã và đang bị nước phủ ngập, rất nhiều chủng loại thú rừng và cá sông hiếm bị hủy diệt, hàng chục nơi thờ phượng và đền đài của người địa phương bị chôn vùi dưới lòng nước.

Cho đến nay ai không lường được những thiệt hại về kinh tế và môi trường khi nguồn nước sông Irrawaddy bị cạn kiệt, khu vực đồng bằng và vùng hạ lưu sẽ bị nhiễm mặn, năng suất canh tác lúa nước chắc chắn sẽ giảm, thực phẩm khan hiếm và vật giá gia tăng là điều không tránh khỏi.

Nhưng vấn đề không dừng ở đó. Tim hiểu sâu hơn, quyết định ngưng công trình xây dựng đập Myitsone chỉ là lý do, thực tế trầm trọng hơn nhiều : Miến Điện đang đứng trước nguy cơ tan rã và lệ thuộc. Những sắc tộc sinh sống ven vùng biên giới Miến-Trung đang bị Trung Quốc lôi kéo về phía mình hoặc bị mua chuộc để làm áp lực với chính quyền trung ương, trong khi những nguồn tài nguyên thiên nhiên, những địa điểm sinh hoạt kinh tế tốt nhất đang lọt dần vào tay người Trung Quốc.

Phản ứng của chính quyền Miến Điện hiện nay giống như con ruồi bị sa



vào mạng nhện, đang cố vùng vẫy để không bị hút hết nhựa sống và chết khô. Thoát được hay không là chuyện khác.

### Sách lược mở đường xuống vịnh Bengal của Trung Quốc

Miền Điện cũng như Thái Lan, Lào, Việt Nam và Cambodia là 5 quốc gia trên bán đảo Ấn-Trung (Indochina) nằm trong kế hoạch mở đường xuống vùng biển phía Nam của Trung Quốc.

Từ năm 1995, Bắc Kinh tiến hành đề án xây dựng 5 Vùng Kinh tế đặc biệt, gọi tắt là SEZ (Special Economic Zone) hay Khu chế xuất, và 14 Thành phố Hải cảng Mở, hay OCC (Open Coastal Cities), dọc các bờ biển. Cơ hội đã đến khi năm 1992 Cambodia, Lào, Miên Điện và Việt Nam, gọi tắt là CLMV, và Thái Lan là 5 quốc gia được Ngân Hàng Châu Á mời tham dự vào đề án xây dựng Tiểu vùng sông Mêkông mở rộng, GMS (Greater Mekong Subregion), để bảo đảm nguồn cung cấp lúa gạo cho toàn khu vực. Không ngờ chương trình này trùng hợp với dự án xây dựng các Vùng Kinh tế đặc biệt của Trung Quốc. Năm 2009, Bắc Kinh đã thành công trong việc gán ghép các tỉnh Quảng Châu, Vân Nam vào tiểu vùng sông Mêkông để tạo thành một khu vực kinh tế lớn hơn, rộng 2,6 triệu km<sup>2</sup> với 326 triệu dân. Từ đó đến nay, Trung Quốc trở thành quốc gia đầu tàu lãnh đạo tiểu vùng hạ lưu sông Mêkông.

Trở về với Vùng kinh tế đặc biệt (SEZ), điều kiện để được nhận làm hội viên SEZ là phải có một lãnh thổ lớn, nhiều hải cảng và bến cảng lớn, vùng biên giới dài rộng, nhất là phải có những trục giao thông thuận lợi và nhiều tài nguyên thiên nhiên. Nhưng đối với Bắc Kinh, yêu tố để được chọn làm hội viên là độc tài chỉ vì một lý do giản dị: các chế độ độc tài không có xã hội dân sự, do đó chỉ cần mua chuộc các cấp lãnh đạo thì tất cả mọi yêu sách của họ sẽ được thỏa mãn, hơn nữa chế độ nào càng độc tài thì càng bị thế giới lên án và cô lập, do đó càng lệ thuộc hơn vào Trung Quốc để được giúp đỡ.

Cho đến trước cuối năm 2011, Miên Điện, Lào và Việt Nam là những chế độ độc tài, những chỉ thị đến từ Bắc Kinh đều được chấp hành một cách sốt sắng: dành mọi dễ dàng cho các công ty Trung Quốc muốn vào khai thác tài nguyên thiên nhiên. Chính quyền Hun Sen tại Cambodia - trên một khía cạnh nào đó vẫn là một chế độ độc tài, vì quyền lãnh đạo từ sau 1975 đến nay vẫn nằm trong tay đảng cộng sản. Hiện nay, các công ty Trung Quốc không những được quyền ưu tiên khai thác tài nguyên thiên nhiên mà còn độc quyền dò tìm và khai thác dầu khí trên toàn lãnh thổ Cambodia. Khi quốc lộ 13 nối liền Lào và Quảng Tây hoàn tất, chắc chắn Bắc Kinh sẽ đề nghị canh tân toàn bộ hệ thống hạ tầng cơ sở chiến lược của Cambodia: phi trường, hải cảng, bến cảng, trục lộ giao thông chính để bảo đảm nguồn tiếp tế tài nguyên thiên nhiên vật liệu từ vịnh Thái Lan vào tỉnh Quảng Tây. Chỉ còn lại Thái Lan, một quốc gia dân chủ mà Bắc Kinh đang tìm cách lôi kéo vào quỹ đạo ảnh hưởng. Những xáo trộn chính trị gần đây tại Thái Lan nằm trong kế hoạch hoạch này.

Để thực hiện kế hoạch mở đường xuống vùng biển phía Nam, Bắc Kinh đang củng cố ba tuyến đường bộ từ biên giới Vân Nam xuống Vịnh Bengal và Vịnh Thái Lan. Tuyến thứ nhất từ Côn Minh đến Mandalay (Miên Điện), tuyến đường thứ hai từ Côn Minh đến Chiang Rai (Thái Lan) băng ngang tiểu bang Shan của Miên Điện,

tuyến đường thứ ba cũng từ Côn Minh đến Chiang Rai (Thái Lan) nhưng qua các tỉnh Luang Nam Tha và Bokeo trên lãnh thổ Lào.

Trong sách lược mở đường xuống phía Nam, Miên Điện có lẽ là vùng đất lý tưởng mà ban lãnh đạo tại Bắc Kinh nhắm tới: diện tích rộng (678.500 km<sup>2</sup>), dân số thấp (48 triệu người), nhiều tài nguyên thiên nhiên lại có một vùng biên giới dài (2.185 km) với Trung Quốc. Một thuận lợi khác là ban lãnh đạo quân phiệt Miên Điện bị các quốc gia phát triển phương Tây cô lập, do đó chỉ còn nương tựa vào Trung Quốc để được bảo vệ trước dư luận quốc tế. Đối lại, Miên Điện dành cho Trung Quốc mọi ưu tiên trong việc khai thác tài nguyên để được cung cấp vũ khí. Nhưng yếu tố được chú ý nhiều nhất tới là các hải cảng, Bắc Kinh dự trù xây dựng và khai thác hải cảng Thilawa, cách Rangoon 15 km về phía nam, để hiện diện lâu dài trong vịnh Bengal. Nhiều bến cảng quân sự khác cũng đang được xây dựng để tiếp tế các đoàn tàu thương mại và quân sự Trung Quốc qua lại trên Ấn Độ Dương.

### Hợp tác để cùng phát triển ?

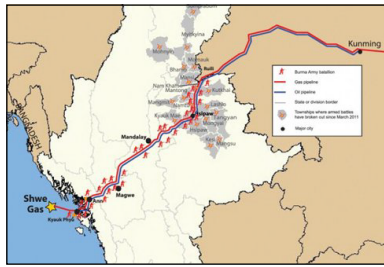
Quan hệ giữa Miên Điện và Trung Quốc trở nên khăng khít từ sau khi Ne Win ra lệnh mở cửa biên giới năm 1988. Nhắc lại, cuối thập niên 1980 tướng Ne Win dẹp tan phong trào đòi dân chủ của dân chúng Miên Điện và thành lập Hội đồng chính phủ tái lập luật pháp và trật tự (SLORC-State Law and Order Restoration Council), một cách gọi khác của chế độ quân phiệt, để cai trị đất nước. Sau khi bị Phong trào dân chủ quốc gia (NLD-National League for Democracy) của bà Aung San Suu Kyi đánh bại trong cuộc bầu cử quốc hội năm 1990, ban lãnh đạo quân phiệt đã không những không chịu nhượng quyền mà còn bắt giam bà Aung San Suu Kyi. Cùng lúc đó, tại Trung Quốc phong trào đòi tự do dân chủ của sinh viên tại Thiên An Môn bị dập tắt trong biển máu. Cả hai chế độ độc tài bị dư luận thế giới lên án và cô lập. Đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu, hai chế độ độc tài cộng sản và quân phiệt này nương tựa giúp đỡ lẫn nhau. Ne Win cần sự giúp đỡ của Bắc Kinh, Bắc Kinh cần đường xuống vịnh Bengal để tiếp tế các tỉnh phía Nam.

Về quân sự, từ năm 1988, Trung Quốc trở thành quốc gia cung cấp vũ khí chính của Miên Điện, từ các loại súng hạng nhẹ, đại pháo đến các loại xe bọc sắt, chiến xa và phi cơ chiến đấu. Với lượng vũ khí này, chế độ quân phiệt Miên Điện dẹp tan các cuộc nổi dậy của người thiểu số. Năm 1989, với sự dàn xếp của Trung Quốc, Rangoon đã thành công trong việc thuyết phục 17 nhóm sắc tộc vũ trang chấp nhận buông súng và ký một hiệp ước đình chiến. Bù lại, các nhóm sắc tộc được toàn quyền quản lý nguồn thuộc phiện sản xuất tại địa phương.

Về dầu khí, cho đến năm 2004 chỉ có tổ hợp Total của Pháp được quyền dò tìm và khai thác dầu khí tại Yanada (từ năm 1992), một khu vực nằm giữa Miên Điện và Thái Lan. Mặc dù sinh sau đến muộn, từ sau 2004, 16 công ty quốc doanh Trung Quốc làm chủ 21 dự án khai thác dầu khí lớn. Miên Điện có nguồn trữ lượng khí đốt thiên nhiên tại Sittwe đứng hạng thứ 10 trên thế giới. Công ty PetroChina, một chi nhánh của tổ hợp quốc doanh China National Petroleum Corporation (CNPC), được quyền khai thác 30 năm khi đốt thiên nhiên tại Sittwe trong vịnh Bengal.

Về hạ tầng cơ sở, các công ty Trung Quốc được quyền tự do ra vào Miên Điện khai thác tài nguyên, xây dựng đường sá và bến

cảng để vận chuyển hàng hóa và nguyên vật liệu. Năm 2006, tổ hợp CNPC được quyền xây dựng hai ống dẫn khí đốt và dầu hỏa, với một tổng trị giá 2,5 tỷ USD, từ cảng Kyaukphyu trong vịnh Bengal đến Vân Nam. Khởi công xây dựng từ tháng 9-2009, sau khi hoàn tất vào năm 2013, ống dẫn dầu dài 1.200 km có khả năng tải 400.000 thùng dầu/ngày và ống dẫn khí đốt dài hơn 2.800 km sẽ chuyển 12 triệu m<sup>3</sup>/năm vào tỉnh Vân Nam.



đỡ này không miễn phí, ngoài lãi suất thấp và được trả góp trong một thời gian dài, Bắc Kinh còn muốn không chế luôn giai cấp cầm quyền và chiếm hữu toàn bộ những nguồn lợi của quốc gia này.

Để hù dọa các cấp lãnh đạo quân phiệt, các thầy bùa Trung Quốc khuyên nên dời bỏ thủ đô Rangoon và xây dựng thủ đô mới tại Naypyi-

Về thủy điện, doanh nhân Trung Quốc gần như chiếm độc quyền xây dựng và khai thác các đập thủy điện trên thượng nguồn các sông Irrawaddy, Salween và Sittang. Cho đến năm 2007, 45 công ty Trung Quốc làm chủ 65 dự án xây đập thủy điện nhằm chuyển toàn bộ điện năng sản xuất sang Vân Nam sau khi hoàn tất.

Về kinh tế, phải chờ đến năm 1998, sau những vụ sạt lở đất lớn trong các tỉnh Quý Châu, Vân Nam và Quảng Tây do nạn phá rừng bừa bãi gây ra, Bắc Kinh ra lệnh cấm khai thác gỗ tại mẫu quốc, doanh nhân Trung Quốc liền vượt biên sang Miến Điện và Lào khai thác gỗ. Ngoài 10 công ty khai thác khoáng sản đang hiện diện tại Miến Điện, doanh nhân Trung Quốc còn làm chủ 6 công trình khai thác khoáng sản lớn trong tiểu bang Kachin và Shan.

Từ sau khi được quyền hoạt động trên lãnh thổ Miến Điện, doanh nhân và di dân Trung Quốc đã ồ ạt vào các thị trấn và thành phố xây nhà, lập phố tạo dựng cơ sở làm ăn. Trong thành phố, doanh nhân gốc Hoa tìm mọi cách chiếm hữu những địa điểm có lợi ích kinh tế cao : khu vực trung tâm, các trục lộ giao thông chính, bến cảng, phi trường, đường bộ, đường sông. Trên vùng đồi núi và đồng bằng, người Trung Quốc thuê bao những khu đất lớn để khai thác gỗ và trồng cây công nghiệp. Doanh nghiệp Trung Quốc chỉ tuyển công nhân Trung Quốc vào làm việc những công trường, người địa phương chỉ được tuyển dụng vào những công việc không chuyên môn và ngắn hạn. Trong những vùng có nhiều tài nguyên quý hiếm (vàng, đá quý, gỗ mun, voi và thú rừng), hàng ngàn người Trung Quốc xâm nhập bất hợp pháp vào khai thác, bất chấp sự phản đối của các chính quyền địa phương.

Cho đến nay, gần như toàn bộ hệ thống buôn bán sỉ và một số ngành bán lẻ (áo quần và máy móc gia dụng) nằm trong tay người gốc Hoa. Thêm vào đó, do thiếu cạnh tranh, doanh nhân Trung Quốc đã gần như độc quyền trong các ngành xây dựng và kinh doanh địa ốc và gây ra nạn đầu cơ làm giá cả hàng hóa, xăng dầu và nhà đất gia tăng, khiến các sư sai phải xuống đường chống đói năm 2007. Nói tóm lại, trong sách lược hợp tác để cùng phát triển này, chỉ người Trung Quốc được quyền hưởng lợi, người Miến Điện quyền phục vụ.

### "Cạnh tranh bất chính" trong khu Tam Giác Vàng

Nhìn lại quan hệ giữa Miến Điện và Trung Quốc từ năm 1988 đến nay, Bắc Kinh đã tận tình giúp đỡ và bao che chế độ quân phiệt Miến Điện trước búa rìu dư luận quốc tế. Trung Quốc không những là quốc gia cung cấp vũ khí chính mà còn là quốc gia tài trợ và đầu tư lớn nhất tại Miến Điện. Nhưng sự bao che và giúp

daw, một khu vực nằm giữa Rangoon và Mandalay. Lý do được đưa ra là Rangoon nằm cạnh bờ biển do đó rất khó phòng thủ khi bị tấn công. Thật ra lý do chính là Bắc Kinh muốn biến vùng biển phía nam Rangoon thành một quân cảng lớn của Trung Quốc, sự hiện diện của ban lãnh đạo Miền Điện tại Rangoon là một trở ngại trong việc thực hiện kế hoạch này. Để thuyết phục ban lãnh đạo quân phiệt dời đô lên Naypyidaw, Bắc Kinh đã đảm nhiệm phần lớn chi phí xây dựng những công trình đường sá, dinh thự các bộ ngành, nhà cửa cán bộ và phổ xá.

Mặc dầu vậy, Bắc Kinh vẫn không tin tưởng vào sự trung thành của các cấp tướng lãnh cầm quyền, vì đa số được đào tạo trong một môi trường văn hóa Anh, tức môi trường dân chủ mà Bắc Kinh rất e ngại. Nếu Miền Điện có dân chủ, Trung Quốc sẽ mất vai trò độc tôn, nguồn vốn khổng lồ bỏ ra có thể sẽ bị mất trắng. Sự nghi ngại càng tăng khi biết giới quân phiệt Miến Điện đang muốn tách khỏi ảnh hưởng của Bắc Kinh khi liên lạc với Bắc Triều Tiên để giúp sản xuất vũ khí nguyên tử.

Để làm áp lực, Bắc Kinh đã phạm một sai lầm lớn khi trang bị vũ khí và lôi kéo những cộng đồng sắc tộc sinh sống trên vùng biên giới về phía mình. Miến Điện và Trung Quốc có một đường biên giới dài 2185 km, trải dài trên hai bang Kachin và Shan. Đây là một khu vực rất phức tạp vì là nơi sinh sống của hơn 100 trên tổng số 135 sắc tộc tạo thành dân tộc Miến Điện. Cho tới nay chưa có lực lượng đồng bằng nào làm chủ được khu vực này vì một lý do giản dị : tất cả các cộng đồng sắc tộc sinh sống trong vùng này đều được trang bị đủ loại vũ khí tối tân. Sinh hoạt cổ truyền của các sắc tộc này là nghề làm rẫy, nhưng sinh hoạt mang lại nhiều lợi tức nhất là khai thác đá quý, trồng cây anh túc làm thuốc phiện và áp tải những bánh thuốc phiện này xuống đồng bằng. Để cùng tồn tại, những nhóm sắc tộc vũ trang này đã kết hợp lại thành một khối, dưới quyền lãnh đạo của Khun Sa, để áp tải thuốc phiện và phân chia quyền lợi lẫn nhau, đây là một kết ước bất thành văn mà không ai được quyền vi phạm.

Sinh hoạt sản xuất và buôn bán thuốc phiện năng động nhất là trong tiểu bang Shan, nơi giáp ranh của ba quốc gia Miến Điện, Thái Lan và Lào, gọi là Tam Giác Vàng. Lượng thuốc phiện sản xuất tại đây chỉ sau Afghanistan nhưng có phẩm chất cao hơn nên rất được giới tiêu thụ quốc tế ưa chuộng. Chính vì phẩm chất cao này mà khu Tam Giác Vàng trở thành nơi tranh chấp quyền lợi giữa các phe nhóm buôn lậu.

Nhắc lại, từ tháng 10-1949, Quốc Dân Đảng Trung Hoa bị phe cộng sản đánh bật ra khỏi lãnh thổ. Thành phần chủ lực theo Tưởng Giới Thạch ra đảo Đài Loan lập căn cứ, số còn lại chạy về phía Nam trốn trong những vùng rừng núi giáp ranh với Miến Điện, Thái Lan và Lào dựng lập chiến khu. Được CIA yểm trợ, tàn quân Quốc Dân Đảng tuyển mộ và huấn luyện các sắc dân thiểu số chống lại quân cộng sản tại Hoa Lục. Năm 1951, Quốc Dân Đảng

tại đây có hơn 4.000 tay súng, năm 1952 tăng lên 30.000. Nhưng, vì được tuyển mộ một cách gấp rút và thiếu kinh nghiệm chiến đấu, những tân binh này không chống cự lại bộ đội cộng sản Trung Quốc, có lý tưởng và có kỷ luật hơn : hơn 16.000 người bị giết, số còn lại phân rã thành nhiều nhóm nhỏ ẩn náu trong dân. Với thời gian, ý chí khôi phục lực địa phai dần, các đám tàn Quốc Dân Đảng trở thành những băng đảng sinh sống bằng nghề buôn bán thuốc phiện. Sự hiện diện của tàn quân Quốc Dân Đảng làm thay đổi toàn bộ sinh hoạt của các sắc dân trong vùng và biến nơi đây thành một trong những trung tâm sản xuất thuốc phiện lớn nhất và khó bài trừ nhất thế giới.

Thuốc phiện trở thành một nguồn lợi lớn, giá đất như vàng nên từ thập niên 1950 khu vực biên giới phía Bắc ba nước Lào, Thái Lan và Miến Điện được gọi là khu Tam Giác Vàng. Mỗi năm khu này cung cấp trên 4.000 tấn thuốc phiện, hay 335 tấn heroin tinh chế. Theo số liệu do tổ chức bài trừ ma túy Hoa Kỳ, trong năm 1990 chỉ riêng một mình Miến Điện đã sản xuất gần phân nửa số thuốc phiện tiêu thụ trên toàn thế giới : 2.365 tấn, hay 197 tấn heroin, phần lớn được canh tác trên lãnh thổ của các sắc tộc Shan và Kachin.

Trừ người Arakan (gốc Ấn Độ) sinh sống dọc bờ biển, tất cả các sắc tộc tại Miến Điện đều không nhiều thì ít đều có liên quan đến sản xuất hay áp tải thuốc phiện. Người Karen và Môn tuy không sản xuất thuốc phiện nhưng là những nhóm áp tải và vận chuyển thuốc phiện có thể lực nhất xuống vịnh Martaban và sang Thái Lan để sau đó xuất khẩu sang các quốc gia khác. Người Shan gần như nắm độc quyền về nghề sản xuất thuốc phiện vì nơi sinh trú của họ rất thuận lợi cho nghề trồng cây anh túc để chế biến thành thuốc phiện. Nhưng quan trọng nhất là các nhóm người Hoa tại Kokang, tuy chỉ có một dân số trên dưới một triệu người nhưng từ khi liên kết với lực lượng Quốc Dân Đảng đã trở thành nhóm chủ chốt trong việc phân phối thuốc phiện từ miền rừng núi xuống đồng bằng.

Trước nguồn lợi quá lớn do thuốc phiện mang lại, chính quyền quân phiệt, gồm toàn người Burman (hay Mang), tại Rangoon cũng không bỏ lỡ cơ hội. Từ sau 1950, quân đội Miến đã nhiều lần tiến vào khu Tam Giác Vàng đánh quân Quốc Dân Đảng nhưng đều thảm bại. Năm 1954, Rangoon yêu cầu Liên Hiệp Quốc buộc Đài Loan rút quân về nước, không thành công ; năm 1960, hợp tác với Trung Quốc đánh đuổi các lực lượng Quốc Dân Đảng ẩn náu dọc biên giới, không kết quả. Năm 1965, Rangoon thành lập những đội dân phòng người sắc tộc (Kha Kwe Yei) để cạnh tranh với những đội áp tải do Quốc Dân Đảng đỡ đầu. Biện pháp mới này không ngờ mang lại hiệu quả, các đội dân phòng được quân đội bảo vệ áp tải thuốc phiện từ cao nguyên xuống đồng bằng một cách an toàn. Sự ăn chia với quân đội trong nguồn lợi này rất sòng phẳng. Năm 1973, các đội dân phòng được trang bị như quân đội chính quy trở thành các đội dân quân du kích (Pyi Thu Sit) để tránh tai tiếng cho quân đội.

Cùng với chiến dịch loại trừ tàn quân Quốc Dân Đảng, Rangoon muốn chiếm luôn địa bàn sản xuất thuốc phiện bằng cách hạn chế thế lực của các lãnh chúa (sahopa) người Shan, đồng minh của Quốc Dân Đảng. Shan là một sắc tộc lớn gốc Thái, hơn 2,5 triệu người, sinh sống trong thung lũng sông Salween giữa tỉnh Vân Nam và Thái Lan. Trước biện pháp mới này, người

Shan đe dọa tách khỏi liên bang, Rangoon phải nhượng bộ năm 1958 nhưng đồng thuận quốc gia đã mất.

Một tướng người Shan, Sao Gnar Kham, cùng những lãnh chúa Shan khác thành lập quân đội riêng và tiếp tục quản trị vùng đất rộng lớn miền Đông Bắc và liên kết với các lực lượng Quốc Dân Đảng, được Bangkok đỡ đầu, chống lại Rangoon. Làng Ban Hin Taek, tỉnh Chiang Rai (Thái Lan) trở thành đại bản doanh của quân đội Shan. Năm 1962, các nhóm võ trang Quốc Dân Đảng và Shan tôn Moh Heng, một người Hoa tại Kokang, lãnh đạo cuộc kháng chiến. Thay vì chống lại Rangoon, năm 1964 những nhóm này kết hợp lại thành hai đạo quân lớn tại tỉnh Chiang Mai (Thái Lan) để bảo vệ các vùng canh tác và áp tải thuốc phiện xuống đồng bằng : Đạo quân thứ 3 do tướng Li Wen Huan chỉ huy, bộ tham mưu đặt tại làng Feng và Đạo quân thứ 5 do tướng Duan Shi Wen lãnh đạo, bộ chỉ huy đóng tại làng Mae Salong.

Lợi tức do buôn bán thuốc phiện quá hấp dẫn, những nhóm sắc tộc nhỏ hơn cũng tham gia phong trào buôn lậu. Năm 1950, Trung Quốc giúp người Kachin thành lập Mặt Trận Nhân Dân, trang bị hơn 6.000 tay súng chống lại tàn quân Quốc Dân Đảng. Bắc Kinh bị hồ to, với số lượng vũ khí có được, các nhóm vũ trang Kachin hợp tác với Quốc Dân Đảng sản xuất và áp tải thuốc phiện. Những nhóm nhỏ hơn như người Pao (200.000 dân), người Wa (500.000 dân), người Paluang (200.000 dân), người Lahu (100.000 dân) cũng được Trung Quốc trang bị vũ khí và tất cả đều trở mặt theo Quốc dân Đảng và người Shan để được chia phần.

Miền Đông Bắc Miến Điện trở thành vùng đất vô chính phủ, mỗi sắc tộc, mỗi làng đều có một lực lượng vũ trang riêng. Ai cũng muốn chiếm phần lợi về phía mình, những nhóm nhỏ kết hợp với những nhóm lớn để trở thành những liên minh lớn hơn, qua đó được chia phần nhiều hơn. Nhóm nào chịu đặt dưới sự chỉ đạo của Quốc Dân Đảng thì trở nên mạnh nhất. Trong thập niên 1960 có bốn nhóm được coi là mạnh lớn nhất, đó là "lực lượng vũ trang Shan", "những chiến sĩ trẻ can trường", "đạo quân thứ 3" và "đạo quân thứ 5" của Quốc Dân Đảng. Tranh chấp vũ trang và thanh toán nội bộ giữa các nhóm và lãnh tụ sắc tộc cũng xảy ra thường xuyên. Thủ lĩnh Sao Gnar Kham bị Quốc Dân Đảng ám sát tại Thái Lan năm 1964 sau một vụ chia chác không đồng đều. Năm 1966, Moh Heng rời lực lượng vũ trang Shan để thành lập lực lượng cách mạng thống nhất dưới quyền điều động của Đạo quân thứ 3 của tướng Li Wen Huan ; Lo Hsing Han dẫn lực lượng Kokang theo Đạo quân thứ 5 phò tướng Duan Shi Wen (Lo Hsing Han sản xuất heroin 999 tinh chất nhất Đông Nam Á) ; những chiến sĩ trẻ can đảm rủ người Lahu phục vụ tướng Naw Seng vùng Đông Bắc, v.v...

Sự phân công trên khu Tam Giác Vàng cũng khá rõ ràng : các nhóm sắc tộc lớn và nhỏ sản xuất thuốc phiện nguyên chất bán lại cho những nhóm lớn chế biến lại thành heroin rồi giao cho các đội vũ trang thuộc các sắc tộc khác áp tải thuốc phiện về đồng bằng bán lại cho các đường dây buôn lậu để tiêu thụ tại chỗ hay xuất khẩu. Việc phân phối thuốc phiện và heroin tại đồng bằng hay trong các thành phố lớn đều do các băng đảng xã hội đen được Quốc Dân Đảng hải ngoại đỡ đầu nắm giữ. Trái với lầm tưởng của nhiều người, những băng đảng xã hội đen của tại Hồng Kông và Mã Cao không là gì so với những tổ chức mafia của Quốc Dân Đảng, họ có lý tưởng hơn nhưng cũng tàn bạo hơn. Giá

cả, thị trường và dịch vụ phân phối thuốc phiện tại Đông Nam Á, kể cả tại Trung Quốc, cũng do những tổ chức xã hội đen này định đoạt.

Với thời gian, các tướng lĩnh Quốc Dân Đảng Trung Hoa, hoặc chết già, hoặc quá yếu để tiếp tục điều khiển công việc phân phối thuốc phiện. Từ năm 1973, Khun Sa, tên thật là Lo Chang, là một người Shan gốc Hoa (tên Chang Chi Fu) tại Kokang, trở thành nhân vật lãnh đạo Khu Tam Giác Vàng. *Khun* là một tước vị quý tộc nhỏ của người Thái, *Sa* là ông Trùm ; người Shan gọi ông là Sao Mong Khawn, người Miến là Khun Yo, và đặt tên tổ chức mới của ông thành "lực lượng thống nhất Shan" (SUA-Shan's Unify Army) cho có vẻ dân tộc. Tổ chức mới này không ngừng lớn mạnh với sự gia nhập của các lực lượng võ trang người Lahu, Wa và Pao, kể cả đảng cộng sản Miến Điện để được bảo vệ khi bị tấn công trên đường áp tải. Thế lực của Khun Sa lên tới đỉnh khi tuyển mộ được những biệt kích Hmong từ Lào sang Thái Lan tị nạn năm 1976. Từ đó Khun Sa trở thành nhân vật mạnh nhất và là người được kính nể nhất trong giới buôn bán thuốc phiện tại Tam Giác Vàng. Cơ quan CIA còn giúp lực lượng Khun Sa tổ chức những cuộc đột kích vào đất Lào tìm kiếm người Mỹ mất tích và móc nối với những người Hmong khác. Quân đội của các chính quyền Rangoon và Bangkok chỉ bao vây hoặc canh chừng từ phía xa các căn cứ địa của Khun Sa trên Tam Giác Vàng chứ không dám đến gần.

Nhờ số tiền khổng lồ thu được do buôn bán thuốc phiện, Khun Sa mua chuộc gần hết chính giới và quân đội Thái Lan và Miến Điện để được dễ dàng trên đường áp tải hàng xuống đồng bằng. Cũng nhờ số tiền đó, lực lượng võ trang của Khun Sa được trang bị những loại vũ khí tối tân nhất (máy bay trực thăng, hệ thống radar, truyền tin, phòng không, chống chiến xa và các phòng y tế dã chiến) mua lại từ các kho vũ khí của Thái Lan và Đài Loan, vũ khí cá nhân mua trực tiếp từ Trung Quốc do các tổ chức buôn lậu khác cung cấp. Tổng số binh sĩ dưới trướng Khan Sa có trên 30.000 người, đó là chưa kể gần một triệu người gồm đủ mọi sắc tộc được che chở và nuôi dưỡng. Năm 1982, Khun Sa rút qua Miến Điện, kết hợp với các nhóm võ trang Kachin và đảng cộng sản Miến (cả hai lực lượng này cung cấp 70% lượng thuốc phiện tại Miến) phòng thủ lãnh địa mới và mở một rộng địa bàn sản xuất tại Lào do người Hmong phụ trách. Năm 1984, tất cả các tổ chức lớn nhỏ liên quan đến việc buôn bán hay áp tải thuốc phiện trong khu Tam Giác Vàng đều đặt dưới quyền của Khun Sa.

Năm 1989, tướng Khin Nyunt của Miến Điện đã thành công trong việc kêu gọi 17 nhóm sắc tộc vũ trang ký thỏa ước đình chiến. Bù lại, những nhóm sắc tộc này được quyền "tự do hoạt động kinh tế" (trồng và áp tải thuốc phiện) như trước.

Sự "bình yên" giữa giới buôn bán thuốc phiện và giới quân phiệt Miến Điện chấm dứt khi đầu thập niên 1990, chính quyền Vân Nam nhẩy vào cuộc và kêu gọi thành lập Khu Kinh Tế Tứ Giác (Quadrangle Economic Zone), quanh 4 thành phố chính : Côn Minh (Vân Nam), Kengtung (tiểu bang Shan, Miến Điện), Chiang Mai (Thái Lan) và Luang Prabang (Lào), để cạnh tranh với các nhóm áp tải thuốc phiện. Những nhóm sắc tộc sinh sống trong khu vực biên giới, đặc biệt là những nhóm sắc tộc gốc Hoa, được cung cấp vũ khí để chuyển nguồn thuốc phiện sang Vân Nam.



Khun Sa được chính quyền Vân Nam trọng đãi và mời tham dự vào những chương trình phát triển Khu Tứ Giác. Sự "cạnh tranh bất chính" này xâm phạm đến quyền lợi của giới quân phiệt Miến Điện. Cũng nên biết, mặc dù cấm buôn bán và vận chuyển thuốc phiện trên toàn lãnh thổ, các nhóm quân phiệt địa phương đã làm nơng cho các nhóm sắc tộc chuyển hàng xuống vùng biển bằng cách đóng tiền mồi lộ, rất cao, khi đi ngang qua các trạm kiểm soát.

Để cảnh cáo phía Trung Quốc, năm 2004, tướng Khin Nyunt, nhân vật số 3 của chính quyền quân phiệt, bị bắt về tội bán đứng quyền lợi quốc gia cho Trung Quốc. Những hoạt động mờ ám của doanh nhân Trung Quốc đang được chính quyền quân phiệt đưa dần ra ánh sáng. Chẳng hạn như vụ đập Myitsone, Trung Quốc đã giao cho công ty Asia World Company - mà giám đốc không ai khác hơn là Tun Myint Naing (Steven Law), con trai của trùm buôn lậu thuốc phiện Khun Sa - quyền vận chuyển "vật tư", thật ra là thuốc phiện, vàng và đá quý sản xuất trong tiểu bang Kachin, từ Miến Điện sang Vân Nam bằng voi (hơn 100 con).

Sự bất mãn đối với Bắc Kinh càng gia tăng khi, năm 2009, chính quyền quân phiệt khám phá Trung Quốc đang tái vũ trang những nhóm sắc tộc gốc Hoa, đặc biệt là người Pao, người Wa và người Kokang, sinh sống dọc vùng biên giới, mà mục tiêu không gì khác hơn là làm suy yếu quyền lực của chính quyền trung ương. Thêm vào đó, dọc các trục lộ xuyên biên giới Vân Nam-Miến Điện, nhà cửa, hàng quán, sòng bạc và khách sạn của người Hoa mọc lên như nấm để thu hút nguồn lợi tức do những nhóm áp tải thuốc phiện có được. Đó là chưa kể sự hiện diện đông đảo người Hoa trên lãnh thổ Miến Điện đe dọa sự tồn tại của nền kinh tế vốn đã yếu kém của quốc gia này.

Nhìn kỹ lại quan hệ giữa chính quyền Miến Điện và Trung Quốc, doanh nhân Trung Quốc đến Miến Điện để đầu tư và xây dựng cơ sở doanh nghiệp. Trong thực tế, họ chỉ đến khai thác tài nguyên thiên nhiên của Miến Điện để mang về nước, bắt chắp môi sinh, môi trường và đời sống của người địa phương. Không người Miến nào nắm chức vụ cao trong các công ty của Trung Quốc, toàn bộ lực lượng nhân công của các công ty Trung Quốc đều đến từ Trung Quốc. Khi hết hạn làm việc, tất cả đều tìm cách ở lại để buôn bán và đang là một đe dọa cho sinh hoạt kinh tế của Miến Điện. Thêm vào đó, doanh nhân Trung Quốc còn muốn nuốt trọn những nguồn lợi khác của dân chúng địa phương.

Miến Điện đang biến thành thuộc địa của chính sách thực dân mới của Trung Quốc. Phản ứng của chính quyền Miến Điện tuy có muộn nhưng vẫn còn có thể cứu được. Nhóm quân phiệt Miến Điện tuy có độc tài nhưng vẫn còn nghĩ đến quyền lợi quốc gia. Tổng thống Thein Sein có lẽ sẽ là Gorbachev của Miến Điện.

Trường hợp Miến Điện rất đáng để chính quyền cộng sản Việt Nam suy ngẫm. Tại Việt Nam, người Trung Quốc đã mua chuộc gần như tất cả các cấp chính quyền và đang thao túng toàn bộ sinh hoạt chính trị và kinh tế của đất nước, đó là chưa kể đã khống chế những địa điểm phòng thủ chiến lược. Ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam có xứng đáng để được so sánh với nhóm quân phiệt lãnh đạo Miến Điện hay không ? Câu hỏi này phải nhường cho những đảng viên còn yêu nước trả lời.

**Nguyễn Văn Huy**

Tham luận

## Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tròn 30 tuổi !

Việt Hoàng

Người xưa có câu : "Tam thập nhi lập", nghĩa là con người ta đến năm 30 tuổi mới có thể tự lập và bắt đầu gây dựng sự nghiệp cho bản thân. Điều này có lẽ đúng cho đa số mọi trường hợp, ví dụ trong lĩnh vực kinh doanh, nếu dưới 30 tuổi mà chưa có tiền thì cũng không nên lấy đó làm buồn. Thậm chí dưới 30 tuổi mà đã thành đạt và giàu có thì nhiều lúc tai họa lại nhiều hơn là may mắn.

Con người, từ lúc đi học cho đến khi rời khỏi ghế nhà trường là thời gian tích lũy những kiến thức cơ bản về lý thuyết trên sách vở. Thời gian sau đó, khi bắt đầu đi làm cho đến năm 30 tuổi, mới là thời gian học hỏi những kinh nghiệm thực tế của cuộc sống và xây dựng uy tín cho bản thân. Sang tuổi 30, con người thật sự đã chín chắn và đầy đủ kinh nghiệm để bắt đầu tạo dựng cho mình một sự nghiệp. Thời gian này kéo dài đến năm 45 tuổi, sau năm 45 tuổi, nếu bạn chưa làm được gì thì khả năng thành công của bạn trong việc kinh doanh xem như kết thúc. Trong những lĩnh vực khác thì thời gian này dài hơn, có thể đến năm 55-60 tuổi mới đạt được đỉnh cao của sự nghiệp.

Năm 2012 đánh dấu một cột mốc quan trọng đối với Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên : Tập Hợp đã bước sang năm thứ 30. Đây là một tuổi đời dài đối với một tổ chức chính trị. Chúng tôi có thể tự hào rằng Tập Hợp ngày nay đã là một tổ chức lịch sử. Trong suốt khoảng thời gian đó, Tập Hợp không phải là đã không có những khó khăn và vấp vấp, trong đó mỗi cá nhân của Tập Hợp luôn luôn tự vấn về phần trách nhiệm của mình, nhưng chúng tôi cũng vui mừng vì đã đạt những kết quả trong chiều sâu rất quan trọng.

Tập Hợp là tổ chức chính trị Việt Nam đầu tiên được thành lập như một tổ chức dân chủ thực sự với một tư tưởng chính trị đúng nghĩa. Tập Hợp cũng là tổ chức chính trị duy nhất hiện nay có thể nói tới tư tưởng chính trị, lòng yêu nước, các giá trị đạo đức, dân chủ và nhân quyền một cách tự nhiên và tự tin mà không ngượng với chính mình, hay lo ngại gặp phải nụ cười mỉa mai ngờ vực nơi người khác. Đó là một thành quả quyết định vì nó có nghĩa là chúng tôi đang trở thành hiện thân của những giá trị đúng.

Trong hoàn cảnh khó khăn chung của cuộc vận động dân chủ hiện nay, Tập Hợp đang là tổ chức được coi là có nhiều hy vọng thành công nhất, dù hy vọng đó vẫn còn khiêm tốn. Chúng tôi luôn có tiếng nói thường xuyên, đều đặn và uy tín trên những vấn đề lớn của đất nước và cũng là tổ chức chính trị duy nhất có sự hiện diện công khai, dù không chính thức, tại Việt Nam. Bản nguyệt san *Tổ Quốc* là một bằng chứng của sự hiện diện đó, cùng với những người được biết là thuộc Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên mà chỉ bị theo dõi, đôi khi sách nhiễu, nhưng không bị bắt giam. Nhưng sự hiện diện quan trọng nhất của Tập Hợp là sự hiện diện trong tình cảm của nhiều người và trong các trao đổi. Tất cả những ưu thế đó cần được khai dụng mạnh mẽ để đưa tới thắng lợi như là những thành đạt bắt buộc phải có cho một tổ chức chính trị để giành thắng lợi và chỉ có thể có được sau nhiều năm cố gắng kiên trì và thông minh.

Năm 2011 đã là một năm đầy đảo lộn làm thay đổi bối cảnh thế giới. Một làn sóng dân chủ mới đang dâng lên. Năm 2012 có thể là năm của khúc quanh lịch sử về dân chủ cho Việt Nam, nếu không nó cũng sẽ dẫn Việt Nam tới gần sát vận hội dân chủ. Chúng ta có thể sẽ chứng kiến một năm sôi động với nhiều sáng kiến đột xuất và

nhiều kết hợp chính trị mới. Nhưng kinh nghiệm lịch sử đã chứng minh rằng không có tổ chức cách mạng nào có thể thành công chỉ sau vài năm thành lập. Như thế phải hiểu rằng giờ này đã quá muộn để thành lập một tổ chức dân chủ mới. Vì vậy, một cuộc cách mạng dân chủ Việt Nam sẽ phải đi qua Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Đó là xác quyết và hy vọng của chúng tôi trong năm 2012 và những năm sắp tới, trước khi Việt Nam trở thành một nước dân chủ.

Dĩ nhiên, chúng tôi còn rất nhiều cố gắng phải làm để phát triển tổ chức trong và ngoài nước, để cải tiến tổ chức, để đưa tiếng nói của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đến với quần chúng và để tranh thủ sự hưởng ứng của quần chúng và trí thức Việt Nam cho "giải pháp Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên". Chúng tôi tin rằng những cố gắng đó sẽ được mọi người Việt Nam, nhất là tầng lớp trí thức tham gia góp phần suy nghĩ, quyết định và cùng chúng tôi thực hiện.

Suốt 30 năm qua chúng tôi đã bền bỉ và miệt mài, nhiều lúc cô đơn như đoàn lữ hành đang vượt qua sa mạc. Sự im lặng và kín đáo trong việc bày tỏ quan điểm, chính kiến của giới trí thức Việt Nam đôi lúc làm chúng tôi phân vân, không hiểu việc mình làm có nhận được sự ủng hộ hay không ? Giờ đây, chúng tôi lấy làm vui mừng vì công sức và tâm lòng của mình không phải là vô nghĩa và rơi vào quên lãng. Giới trí thức Việt Nam đã ít nhiều đồng tình và chia sẻ với chúng tôi.

Giáo sư Chu Hào và nhà báo Lê Phú Khải đều cho rằng : "*Việt Nam chưa có tầng lớp trí thức đúng nghĩa*" hoàn toàn trùng hợp với nhận định của Tập Hợp rằng "*Việt Nam chưa có tầng lớp trí thức chính trị tinh hoa*".

Nhân đây cũng xin minh định một điều rằng, nói như vậy không có nghĩa là Việt Nam không có những trí thức cá nhân xuất sắc, chỉ có điều là các cá nhân đó chưa thực sự đứng chung với nhau vào cùng một đội ngũ để tạo thành sức mạnh, và va thể mà Tập Hợp mong muốn trở thành nơi hội tụ của tầng lớp trí thức tinh hoa của Việt Nam.

Chúng tôi hoàn toàn chia sẻ niềm tin của giáo sư Nguyễn Minh Thuyết : "*Tôi tin rằng ngay cả dưới những chế độ tàn diệt trí thức, như chế độ Tần Thủy Hoàng ở Trung Hoa hay chế độ Pol Pot ở Campuchia trước đây, tầng lớp trí thức vẫn tồn tại, dù công khai hay ngầm ngầm, để góp phần tinh thức dân tộc đứng lên lật đổ chế độ tàn bạo và xây dựng lại đất nước*".

Chúng tôi cũng cảm ơn nhà thơ Hoàng Hưng vì đã đồng cảm với chúng tôi khi ông nói : "*Tôi tin ở khả năng "diễn biến hòa bình từ trên xuống" trong hoàn cảnh áp lực từ ngoài vào và từ dưới lên...*" (Trong bài "*Đã đến lúc chín muồi cho sự ra đời các tổ chức xã hội dân sự*").

Cựu phó thủ tướng Việt Nam Vũ Khoan, một quan chức cao cấp của chính quyền rất có năng lực và hiểu biết, người đã mở ra cánh cửa của WTO cho Việt Nam, trong bài viết mới đây cũng đã chia sẻ với quan điểm của ông Nguyễn Gia Kiểng rằng không nên lên án chủ nghĩa cá nhân một cách cực đoan.

Nhà văn Phạm Đình Trọng cũng đã có một bài viết sâu sắc về chủ nghĩa cá nhân qua bài "Bi kịch Việt Nam".

Một môi đồng cảm rất lớn giữa Tập Hợp với nhóm văn sĩ trí thức Đà Lạt đó là sự đồng tình với con đường cứu nước của một nhà cách mạng Việt Nam lỗi lạc : Phan Châu Trinh.



Tác giả La Thành, trong bài trả lời phỏng vấn của nhà văn Phạm Thị Hoài về "Sự điều tàn của văn hóa", cũng hy vọng như chúng tôi rằng : "Chúng ta hãy kì vọng rằng nền dân chủ trong tương lai phải chủ yếu do giai cấp trung lưu với nòng cốt là tầng lớp trí thức lãnh xướng". Đó cũng là một trong những "giải pháp của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên" mà chúng tôi đã không ngần ngại nhắc đi nhắc lại nhiều lần: "Trí thức Việt Nam phải là lực lượng tiên phong, dẫn dắt và lãnh đạo quần chúng nhân dân".

Trí thức và giới trung lưu cũng như mọi thành phần dân chúng cần phải tham gia nhiều hơn vào lĩnh vực chính trị. Đừng xa lánh chính trị vì chính trị quyết định tất cả. Làm chính trị, hay tham gia vào các hoạt động chính trị không hề xấu mà hoàn toàn ngược lại. Một đất nước hay một xã hội chỉ tốt đẹp và tử tế khi có nhiều người quan tâm đến chính trị, nhất là những người có hiểu biết.

Chúng tôi chia sẻ với những suy tư rất chân tình và sâu sắc của bác sĩ Phạm Hồng Sơn : "...*Nếu tầng lớp có học nhất của một quốc gia lại không quan tâm đến chính trị hay coi khinh chính trị là xấu, là công việc của những kẻ đầy thủ đoạn nên tránh xa, không tìm hiểu các qui luật, các kỹ thuật, các điểm hay dở, tốt xấu của các mô hình chính trị cũng như các "thủ đoạn" cầm quyền thì quốc gia sẽ không thể có được một chế độ chính trị đúng đắn, tốt đẹp. Vì giới có học, người tử tế còn không hiểu về chính trị, không muốn can dự vào chính trị thì đại chúng làm sao có thể không bị lôi kéo bởi những lực lượng chính trị hắc ám, những thủ đoạn mỵ dân, lừa gạt của quyền lực độc đoán. Mà một khi chế độ chính trị đã không đúng đắn thì mọi mặt khác của xã hội cũng sẽ không thể đúng đắn và tốt đẹp được*". Tất nhiên chúng ta hiểu rằng, dưới các chế độ toàn trị thì tiếng nói, vai trò của giới trí thức không là cái gì cả, phản biện lại càng không.

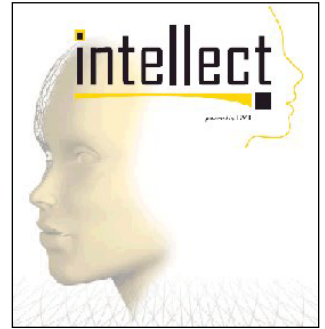
Một trong những bộ phim hiếm hoi và nổi tiếng về lịch sử Việt Nam được các nhà làm phim dàn dựng rất công phu và hấp dẫn là bộ phim "Huyền Sử Thiên Đô", nói về người anh hùng xuất chúng của Việt Nam : Lý Công Uẩn, tức vua Lý Thái Tổ. Trong suốt chiều dài của 42 tập phim (phần 1) thì "tư tưởng hòa giải" và "đoàn kết dân tộc" cũng như "tinh thần bao dung" luôn được đề cập xuyên suốt và là tư tưởng chủ đạo của bộ phim. Đó cũng chính là tư tưởng và tinh thần của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

Chúng ta đều biết rằng từ lúc mới thành lập, trong thời kỳ chiến tranh và ngay cả trong thời kỳ hòa bình thì đảng cộng sản Việt Nam cũng như mọi đảng cộng sản khác đều tôn sùng và sử dụng bạo lực một cách triệt để và tôi đa nhằm khuất phục (thay vì thuyết phục) người dân. "Biển cổ Đoàn Văn Vươn" ở Hải Phòng chỉ là hành động tuyệt vọng như "giọt nước tràn ly", hậu quả của việc sử dụng tràn lan và thường xuyên "Bạo lực đỏ", như lời nhà thơ, nhạc sĩ Nguyễn Trọng Tạo. Vì vậy, dù khó khăn đến mấy chúng ta cũng phải đoạn tuyệt với việc nhà nước dùng "bạo lực" đối với người dân hoặc để giải quyết các mâu thuẫn trong xã hội ngay cả khi bạo lực được cho phép, ví dụ khi trấn áp các vụ bạo loạn...

Một món quà rất có ý nghĩa của một độc giả trong nước gửi đến cho chúng tôi ngay trong ngày đầu tiên của năm mới 2012 đã giúp xua tan đi cái giá lạnh mùa đông ở Châu Âu và làm ấm lòng tất cả anh em chúng tôi, một bức thư ngắn với nội dung :

*"Thân chào Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, Là một độc giả rất mến mộ tạp san Thông Luận, cũng như rất đồng cảm, đồng tình với những quan điểm và ưu tư đối với đất nước của Tập Hợp - những tâm hồn thật*

*đáng quý trên khắp thế giới, năm mới, tôi xin gửi lời chúc mừng mà nhất đến Tập Hợp, lời chúc cũng là một lời tri ân của một người ở quê nhà đến những nỗ lực không biết mệt mỏi của tổ chức trong suốt một phần tư thế kỉ qua. Chúc cho giấc mơ của Tập Hợp, cũng là của chúng ta, sớm thành hiện thực. Trân trọng,*



TNQ".

Nhân đây, chúng tôi không thể không nhắc đến tâm lòng, sự ủng hộ và những đóng góp rất quan trọng và thiết thực của bà con người Việt tại hải ngoại, đặc biệt là giới trí thức dành cho chúng tôi. Rất nhiều tác giả và chủ các trang mạng nổi tiếng đã dành cho trang báo điện tử *ethongluan*, báo giấy *Thông Luận* và nguyệt san *Tổ Quốc* nhiều bài viết hay và giới thiệu chúng tôi đến với cộng đồng cư dân mạng. *Ethongluan.org* là trang báo chuyên về chính trị của một tổ chức chính trị duy nhất được phổ biến rộng rãi trên internet. Chúng tôi rất biết ơn và ghi nhận sự ủng hộ thầm lặng đó và ước mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ quý báu của giới truyền thông và dư luận người Việt hải ngoại.

Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam là quỹ thiện nguyện được thành lập để "yểm trợ các anh em dân chủ bị mắc nạn hoặc gặp khó khăn trong nước" và Hội Măng Non là quỹ thiện nguyện với mục tiêu "giúp trẻ em và thiếu niên nghèo tại Việt Nam" cũng đã luôn nhận được sự quan tâm và ủng hộ rất nhiệt tình và hiệu quả từ những tâm lòng vàng của bà con cộng đồng người Việt hải ngoại. Chúng tôi xin tri ân và cảm tạ những sẻ chia ân tình đó.

30 năm, một nửa đời người đã trôi qua. Đó là một quãng thời gian rất dài đối với mỗi chúng ta. Sẽ có người phân vân : "Tại sao một giải pháp đúng đắn như Tập Hợp đề nghị mà vẫn chưa có kết quả ?".

Câu trả lời cũng đơn giản với những người có hiểu biết. Để thay đổi văn hóa, thói quen đã ăn sâu vào tư tưởng của người Việt, ví dụ văn hóa phục tùng chính quyền tuyệt đối, thói quen thực hành dân chủ... thì cần phải có thời gian !

Việt Nam tụt hậu về tư tưởng và văn hóa rất xa so với mặt bằng chung của thế giới. Không riêng gì Việt Nam chúng ta mà ngay cả nước Nga thuộc Châu Âu cũng thế. Sau khi xóa bỏ được chế độ cộng sản tại Nga (năm 1991), cố tổng thống Nga Yeltsin đã rất cố gắng trong nỗ lực mở ra cánh cửa văn minh của Phương Tây cho người dân Nga nhưng ông đã thất bại, người dân Nga nói chung và trí thức Nga, tầng lớp trung lưu Nga nói riêng đã không chuẩn bị cho sự thay đổi về hướng dân chủ. Putin, một cựu sĩ quan KGB đã nhanh chóng chiếm đoạt thành quả của cuộc cách mạng và đóng sập cánh cửa vừa mở ra với thế giới. Phải mất 20 năm sau, trong cuộc bầu cử quốc hội Nga ngày 4-12-2011 vừa qua, nhân dân Nga mới thức tỉnh để đòi Putin "thoái vị" và đòi lại quyền làm người cho mình.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên luôn tin tưởng và hy vọng về một tương lai tươi sáng cho Việt Nam, chúng tôi tin rằng người Việt Nam đã chuẩn bị tinh thần để đón nhận dân chủ. Với niềm tin mãnh liệt đó cộng với thời gian 30 năm trưởng thành và phát triển đã qua, chúng tôi sẽ tiếp tục đồng hành cùng với nhân dân Việt Nam trên con đường tìm kiếm và xây dựng một nền dân chủ thật sự cho đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta.

**Việt Hoàng**

(Xuân Nhâm Thìn 2012)



## Bi quan, lạc quan

Cuối năm trước, hần nói một cách sôi nổi : "Thế là tao lằm to rồi, tao bỏ nước lạc quan nhất thế giới để lên sông ở nước bi quan nhất thế giới !". Hần giải thích là vừa có một cuộc thăm dò ý kiến trên toàn thế giới và kết quả cho thấy người Việt Nam là dân tộc lạc quan nhất thế giới trong khi người Pháp là dân tộc bi quan nhất thế giới. Gia đình hần định cư tại Pháp. Hần bảo đảm cuộc thăm dò dư luận này rất khách quan và đứng đắn. Hần cũng nói là rất ngạc nhiên về kết quả cuộc thăm dò dư luận này và sẽ tìm hiểu thêm.

Tôi cũng rất ngạc nhiên, bởi vì với những gì mà tôi biết về nước Pháp thì họ là một trong những nước may mắn nhất. Họ có một khí hậu ôn hòa không nóng lắm để khiến con người uể oải, cũng không lạnh quá đến nỗi phải phải co ro quanh năm suốt tháng trong nhà. Pháp có tới hai biển. Bờ biển Đại Tây Dương nhiều cảnh thiên nhiên tốt và đầy tôm cá, bờ biển Địa Trung Hải đẹp như cõi bồng lai. Phong cảnh nước Pháp hùng vĩ, đất Pháp phì nhiêu kỳ lạ, mưa nắng thuận hòa trồng cây nào cũng tốt, lãnh thổ Pháp lại bao la đủ đất sống cho vài trăm triệu người trong khi dân số Pháp chỉ có 65 triệu. Hàng mỹ phẩm của Pháp tuyệt vời, y phục Pháp vừa sang vừa đẹp, các món ăn của Pháp được cả thế giới nhìn nhận là ngon nhất. Rượu của Pháp - Bordeaux, Cognac, Champagne - thì khỏi phải nói. Những di tích lịch sử, công trình văn học nghệ thuật không nước nào bì kịp. Thế giới mê Pháp đến nỗi đi du lịch Pháp là giấc mơ của mọi người. Hàng năm Pháp đón tiếp hơn một trăm triệu du khách. Nếu có một dân tộc nào có nhiều lý do nhất để lạc quan thì chính là dân Pháp. Còn người Việt Nam thì có lý do gì đâu để lạc quan, không những thế lại lạc quan nhất thế giới ?

Hôm nay tôi lại gặp hần. Tôi hỏi hần đã tìm hiểu thêm được gì về cuộc thăm dò dư luận này, người Pháp có thực sự là dân tộc bi quan nhất thế giới không và người Việt Nam có thực sự là dân tộc lạc quan nhất thế giới không ?

Hần gạt đầu :

- Tao đã xem kỹ phúc trình nghiên cứu này và quả đúng như thế. Đây là một nghiên cứu chi tiết dài gần một ngàn trang, không những nói về mức độ lạc quan và bi quan của mỗi dân tộc, mà còn cho biết lý do tại sao họ bi quan hay lạc quan. Tại Pháp đúng là dân tộc bi quan nhất thế giới, đúng là một *peuple de râleurs* như chính chúng nó nói, nhưng lần này thì sự bi quan quả nhiên là có thực. Chúng nó bi quan vì nhiều lý do lắm. Có đứa bi quan vì con đường trước của nhà có một cái ổ gà mà nó lại thích đi dạo xe đạp cuối tuần cho nên nó sợ có ngày té, lo lắng quá rồi bi quan. Có đứa bi quan vì nhà nước Pháp đang cần tiền nên tìm mọi lý do để phạt vạ, chỉ chạy xe quá vận tốc 5 km cũng bị phạt, đậu xe có nửa giờ ở chỗ cấm đậu cũng phạt 30 Euros. Có đứa còn bực bội vì tổng thống Sarkozy lùn và đi lạch bạch như con vịt nhưng lại ngang ngược tưởng mình là Napoléon ; bực bội rồi đâm ra bi quan. Nhưng cũng có những lý do chính đáng khiến người Pháp bi quan. Nhiều người khá kính bi quan vì phong trào toàn cầu hoá khiến xã hội Pháp ngày càng trở thành thực tiễn, đạo đức ngày càng xuống cấp, ngay cả lương tâm nghề nghiệp của các bác sĩ cũng không còn tin tưởng được 100% như trước

## MỤC LỤC

1. Chỗ đứng nào cho Đảng Cộng Sản Việt Nam trong lịch sử ?	<b>Thông Luận</b>
2. Nhìn lại chủ nghĩa Mác-Lênin	<b>Nguyễn Gia Kiểng</b>
7. Luật ruộng đất tại Việt Nam tròn 20 tuổi	<b>Lê Mạnh Hùng</b>
8. Trí thứ chi có con đường dẫn thân	<b>Jean-François Sabouret</b>
9. Sách lược mở đường xuống phía Nam của Trung Quốc	<b>Nguyễn Văn Huy</b>
14. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tròn 30 tuổi	<b>Việt Hoàng</b>
16. Bi quan, lạc quan	<b>Đáy</b>

đây nữa ; khi một bác sĩ bảo phải mổ thì không biết là bệnh nhân cần phải mổ để bình phục hay bác sĩ cần mổ để kiếm tiền. Nhiều người lo âu vì di dân các nơi đổ tới Pháp ngày càng nhiều làm nhiều khu vực mất an ninh, trộm cắp gia tăng, mỗi ngày trên nước Pháp có đến hơn mười vụ cướp giết ; dù những vụ này chỉ xảy ra trong một vài địa điểm nhưng vẫn làm cả nước lo âu vì truyền hình loan báo hàng ngày, hàng giờ. Rồi lại có những người bi quan vì nghĩ Pháp không thể duy trì mãi chế độ an sinh xã hội và bảo đảm thất nghiệp quá rộng rãi như hiện nay, thế nào cũng phải thắt lưng buộc bụng lại để giảm chi phí sản xuất và gia tăng khả năng cạnh tranh. Đa số người Pháp nghĩ rằng suy thoái kinh tế toàn cầu sẽ làm giảm số du khách hàng năm tới Pháp. Tóm lại người Pháp bi quan vì thấy có quá nhiều để mất.

Nhưng còn người Việt ? Có lý do gì khiến họ không những lạc quan mà còn lạc quan nhất thế giới ? Hần giải thích :

- Người Việt Nam lạc quan vì nghĩ tương lai họ chỉ có thể sáng sủa hơn hiện tại. Phúc trình nghiên cứu cho thấy người Việt Nam tin rằng chính quyền không thể tham nhũng hơn và cũng không thể nhu nhược hơn nữa đối với ngoại bang, và nếu có thay đổi chế độ thì họ cũng chỉ có thể có một chính quyền lành mạnh hơn. Thẩm phán, đại biểu quốc hội không thể vô liêm sỉ hơn ; trí thức, kỹ giả, văn nghệ sĩ không thể hèn nhất hơn. Không khí và nước uống chỉ có thể sạch hơn vì ô nhiễm không thể gia tăng hơn nữa. Trộm cướp, tai nạn giao thông chỉ có thể giảm chứ không thể gia tăng. Số lượng dân oan chỉ có thể giảm đi vì phần lớn đất đai đã bị cướp đoạt hết rồi. Các trường học và các bệnh viện chỉ có thể cải thiện chứ không thể bê bối hơn. Giá nhà đất chỉ có thể giảm đi chứ không thể tăng lên. Tóm lại họ không có gì để mất.

Hần rất có lý, hơn nữa tôi chợt nghĩ ra là hần cũng là người có thẩm quyền nhất để nói về người Pháp và người Việt. Tôi hỏi hần :

- Còn cá nhân mày, mày vừa là người Pháp vừa là người Việt, vậy mày lạc quan nhất thế giới hay bi quan nhất thế giới ?

Hần đáp :

- Tùy thời điểm và địa điểm. Khi ở Pháp thì tao là người Việt, trái lại khi ở Việt Nam thì tao là người Pháp. Vì vậy, khi ở Pháp thì tao rất lạc quan nhưng khi về Việt Nam thì tao rất bi quan.

**Đáy**